

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

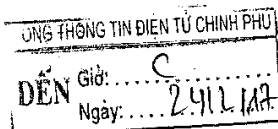
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 294/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 04 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017, chi tiết tại các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo (2b);
- Website Chính phủ;
- CPVP, NCTH;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 01.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước thực hiện năm 2016 ⁽¹⁾	Dự toán năm 2017
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.941.050	4.396.000	4.896.000
1	Thu nội địa	3.700.050	4.173.000	4.686.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	220.000	202.000	210.000
3	Thu phản ánh qua NSNN (từ nguồn thu xổ số)	21.000	21.000	
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.708.842	11.475.100	10.543.766
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.646.920	4.130.000	4.024.900
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.646.920	4.130.000	931.000
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)			3.093.900
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	5.737.878	6.107.000	6.518.866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2.514.823	2.514.823	4.973.822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2.142.180	3.592.177	1.545.044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1.080.875		-
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		9.100	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy	24.044	1.229.000	-
5	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000		-
C	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.708.842	11.475.100	10.543.766
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh	786.200	897.200	536.930
2	Chi thường xuyên ⁽²⁾	6.923.854	7.922.853	7.954.238
3	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước	300.000	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200
5	Chi dự phòng ngân sách	140.960	-	179.970
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HĐND tỉnh giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	1.525	1.525	-
7	Chi kết dư, chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016	-	1.331.322	-
8	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.555.103	1.321.000	1.529.538
9	Bội thu ngân sách địa phương			341.890

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản thu, chi được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu, chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 02.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2017
	TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN	3.941.050	4.396.000	4.896.000
I	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	3.721.050	4.194.000	4.686.000
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	540.000	430.000	519.200
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	520.000	570.000	489.700
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	170.000	209.300
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1.200.000	1.200.000	1.407.000
5	Lệ phí trước bạ	205.000	225.000	290.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	3.500	3.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	130.000	140.000	180.000
8	Thuế bảo vệ môi trường	427.000	730.000	920.000
9	Thu phí và lệ phí	75.000	77.000	110.000
10	Tiền sử dụng đất	300.000	400.000	300.000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	70.000	85.000
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000	17.500	20.000
13	Các khoản thu tại xã	17.400	20.000	21.000
14	Thu khác ngân sách	86.650	120.000	110.800
15	Thu xổ số kiến thiết	21.000	21.000	21.000
	Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu	220.000	202.000	210.000
II	CÂN ĐỐI NSDP			
A	Tổng các khoản thu cân đối NSDP	9.708.842	11.475.100	10.543.766
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.646.920	4.130.000	4.024.900
	- Các khoản thu 100%	3.646.920	4.130.000	931.000
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)			3.093.900
2	Thu bổ sung từ NSTW	5.737.878	6.107.000	6.518.866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2.514.823	2.514.823	4.973.822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2.142.180	3.592.177	1.545.044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1.080.875		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	24.044	1.229.000	
4	Thu kết dư ngân sách năm 2015		9.100	-
5	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000	-	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2017
B	Tổng chi ngân sách địa phương	-	-	10.543.766
C	Bội thu ngân sách địa phương			341.890

Ghi chú:

(*): Không bao gồm các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh Phú Thọ.

Phụ biểu số 03.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2017
A	Ngân sách cấp tỉnh	
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	9.309.916
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	2.791.050
-	Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	1.744.500
-	Các khoản thu phân chia phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.046.550
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	6.518.866
-	Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	4.973.822
-	Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.545.044
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	-
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	9.309.916
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh	3.656.077
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.529.538
3	Bội thu ngân sách địa phương	341.890
4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	3.782.411
B	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	
I	Nguồn thu ngân sách huyện (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)	5.016.261
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.233.850
-	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	478.960
-	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	754.890
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	3.782.411
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.782.411
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	
II	Chi ngân sách huyện (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	5.016.261

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 04.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước TH năm 2016 ⁽¹⁾	Dự toán năm 2017
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.729.842	11.475.100	10.543.766
A	Chi cân đối NSDP	8.153.739	8.801.778	8.672.338
I	Chi đầu tư phát triển	786.200	876.200	536.930
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	514.200	514.200	588.820
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270.000	360.000	290.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	-
4	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			(341.890)
II	Chi thường xuyên	6.923.854	7.922.853	7.954.238
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.030.203	1.398.125	1.115.009
2	Chi sự nghiệp văn xã	4.167.168	4.669.106	5.069.270
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.903.612	3.088.881	3.631.079
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	2.655.374	2.820.615	3.315.694
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	248.238	268.266	315.385
	- Chi sự nghiệp y tế	699.502	813.243	757.257
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	28.360	28.363	31.630
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	132.285	143.557	163.767
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	31.343	31.347	37.285
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	26.624	26.627	28.209
	- Chi đảm bảo xã hội	345.442	537.088	420.043
3	Chi Quản lý hành chính	1.536.167	1.663.713	1.631.320
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	123.290	124.876	110.553
5	Chi khác ngân sách	18.405	18.407	20.086
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	48.621	48.626	8.000
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các đối tượng CCB, TNXP, quân nhân, ...)	40.621		-
	- Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh khác	8.000		8.000
III	Chi dự phòng ngân sách	140.960		179.970
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao	1.525	1.525	-
VI	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	300.000		-
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSDP	1.555.103	1.321.000	1.529.538
C	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	21.000	21.000	-
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000	21.000	
D	Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2015 sang 2016		1.331.322	
E	Bội thu ngân sách địa phương			341.890

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản chi được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản chi phản ánh qua

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 06.

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Huyện, thành, thị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện
1	Việt Trì	614.300	580.050	667.769	87.719
2	Phú Thọ	105.200	65.050	230.843	165.793
3	Phù Ninh	111.030	78.155	314.857	236.702
4	Lâm Thao	114.420	81.370	287.446	206.076
5	Tam Nông	61.800	42.858	321.541	278.683
6	Thanh Thủy	82.065	52.534	300.289	247.755
7	Đoan Hùng	126.010	82.752	406.411	323.660
8	Thanh Ba	78.045	50.688	382.343	331.655
9	Hiệp Hòa	71.710	48.182	408.384	360.202
10	Cẩm Khê	49.120	37.213	479.487	442.274
11	Yên Lập	62.500	44.775	368.334	323.559
12	Thanh Sơn	80.800	54.425	506.125	451.700
13	Tân Sơn	23.600	15.800	342.432	326.632
Cộng		1.580.600	1.233.850	5.016.261	3.782.411

Tỉnh Phú Thọ.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 25/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PT	
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Định mức									Nghệp vụ
	TỔNG CỘNG	9.309.916	3.656.077	329.730	588.820	82.800	(341.890)	3.211.007	1.758.334	1.457.673	341.048	120.700	67.542	1.119.080	717.340	95.107	37.285	28,1
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	329.730	329.730	329.730	588.820	82.800	(341.890)	3.211.007	1.758.334	1.457.673	341.048	120.700	67.542	1.119.080	717.340	95.107	37.285	28,2
B	CHI THUƯỜNG XUÂN NGÂN SÁCH	3.211.007	3.211.007	-	-	-	-	3.211.007	1.758.334	1.457.673	341.048	119.380	61.722	593.802	548.017	63.162	19.325	28,2
1	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	1.880.217	1.880.217	-	-	-	-	1.880.217	1.252.222	627.996	274.574	-	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng UBND tỉnh	29.016	29.016	-	-	-	-	29.016	7.876	21.140	26.016	-	-	3.000	-	-	-	-
-	Chi định mức QLNN	7.056	7.056	-	-	-	-	7.056	7.056	-	7.056	-	-	-	-	-	-	-
-	Trong đó Công báo - Tin học	820	820	-	-	-	-	820	-	-	820	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ	2.800	2.800	-	-	-	-	2.800	-	2.800	2.800	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh,	4.000	4.000	-	-	-	-	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	140	140	-	-	-	-	140	-	140	140	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh	200	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi và phát hành Công báo của tỉnh	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	3.000	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của Ban tiếp công dân	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ	4.000	4.000	-	-	-	-	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp cảnh ký số ...)	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi khác	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
2	Văn phòng HĐND tỉnh	15.474	15.474	-	-	-	-	15.474	5.347	10.127	15.474	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	4.407	4.407	-	-	-	-	4.407	4.407	-	4.407	-	-	-	-	-	-	-
-	Phụ cấp kiến thức đại biểu HĐND tỉnh	940	940	-	-	-	-	940	-	-	940	-	-	-	-	-	-	-
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phí của các đại biểu cơ sở + Đại biểu + Tài liệu chuyên môn các đại biểu	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh	600	600	-	-	-	-	600	-	600	600	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	900	900	-	-	-	-	900	-	900	900	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hoạt động giám sát, khảo sát	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh	300	300	-	-	-	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề
				Chi đầu tư từ ngân sách địa phương	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	Chi đầu tư từ ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ				
Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	160	160	-				160		160	160			-
Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh	2.500	2.500	-				2.500		2.500	2.500			-
Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ	500	500	-				500		500	500			-
Chi xây dựng bản tin	200	200	-				200		200	200			-
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh	500	500	-				500		500	500			-
Chi hoạt động chuyên môn phục vụ kỳ họp: Chi họp thẩm tra, chỉ xây dựng các báo cáo của ban thẩm tra, chi chuẩn bị các văn bản phục vụ các kỳ họp...	300	300	-				300		300	300			-
Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa mới NK 2016-2021.	250	250	-				250		250	250			-
Chi mua sắm trang phục cho đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021.	217	217	-				217		217	217			-
Chi thực hiện chuyên mục "Giám đốc sở với cử tri"	200	200	-				200		200	200			-
Chi sửa chữa và mua sắm tài sản	500	500	-				500		500	500			-
Sơ Kế hoạch và Bản tư	9.384	9.384	-				9.384	6.434	3.150	9.384			-
Chi định mức	6.384	6.384	-				6.384	6.384	-	6.384			-
Chi hoạt động tư vấn, giám sát đánh giá dự án đầu tư	200	200	-				200		200	200			-
Chi ban chỉ đạo các CTMTQG	300	300	-				300		300	300			-
Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-				50		50	50			-
Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm	400	400	-				400		400	400			-
Chi ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bên vững tỉnh Phú Thọ	300	300	-				300		300	300			-
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50	100			-
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.	100	100	-				100		100	100			-
Kinh phí chi một của liên thông	200	200	-				200		200	200			-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500	500			-
Kinh phí nghiệp vụ Ban đối mới doanh nghiệp	100	100	-				100		100	100			-
Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.	200	200	-				200		200	200			-
Chi nghiệp vụ Hoạt động KT đối ngoại; xây dựng báo cáo phát triển KTXH... và các hoạt động nghiệp vụ khác.	750	750	-				750		750	750			-
Sơ Khoa học công nghệ	14.650	14.650	-				14.650	3.420	11.230	3.450			-
Chi định mức	3.390	3.390	-				3.390	3.390	-	3.390			-

Chi cân đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cân đối ngân sách																	
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PT
			Tổng cộng	Chi đầu tư XD cơ sở	Chi đầu tư XD cơ sở	Chi đầu tư XD cơ sở		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	60	60	-	-	60	30	30	60	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Công tác kế hoạch hoá, thông kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, Quản lý khoa học, quản lý cơ sở	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác quản lý công nghệ và thành tựu KH-CN	450	450	-	-	450	450	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn thực phẩm và hạt nhân	300	300	-	-	300	300	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ	450	450	-	-	450	450	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	450	450	-	-	450	450	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	500	500	-	-	500	500	550	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đào tạo tạo đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	550	550	-	-	550	550	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường thêm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	500	500	-	-	500	500	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ nghiên cứu kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN trên địa bàn tỉnh.	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và có lợi thế của tỉnh.	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	902	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Trung tâm Tin học và Thống kê Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1.202	1.202	-	-	1.202	902	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	902	902	-	-	902	902	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	300	300	820	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Trung tâm Kỹ thuật đo lường - thí nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)	820	820	-	-	820	820	984	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	984	984	-	-	984	984	13.524	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	13.524	13.524	-	-	13.524	235	13.289	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	235	235	-	-	235	235	269	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ.	269	269	-	-	269	269	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	12.000	12.000	-	-	12.000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Bổ sung vốn đầu tư Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.000	1.000	-	-	1.000	1.596	1.596	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi các tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.596	1.596	-	-	1.596	6.196	3.710	1.596	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Chi các tiêu y	9.906	9.906	-	-	9.906	1.596	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân-sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TD/TT	PTTH			
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		
Chi định mức biên chế QLNN	1.596	-				1.596										
Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.510	-				4.510										
Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh đại	600	-				600										
Phòng chống dịch điện rừng.	2.000	-				2.000										
Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng.	200	-				200										
Thuê trụ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao).	120	-				120										
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	500	-				500										
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	180	-				180										
Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền, chi phần tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi.	200	-				200										
Vấn phòng Chi cục bảo vệ thực vật	7.964	-				7.964										
Chi định mức biên chế QLNN	1.368	-				1.368										
Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.346	-				4.346										
Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích	150	-				150										
Hỗ trợ công tác tuyên truyền + Nghiệp vụ.	200	-				200										
Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng.	200	-				200										
Chi hoạt động kiểm dịch thực vật	150	-				150										
Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại lồng lợp (IPM) trên cây trồng.	500	-				500										
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	100	-				100										
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	-				500										
Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bãi dền	450	-				450										
Sơ Nồng nghiệp và Phát triển nông thôn	6.357	-				6.357										
Chi định mức biên chế	4.407	-				4.407										
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg+Chi trang phục thành tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón.	280	-				280										
Chi sửa chữa lớn trụ sở	500	-				500										
Chi duy trì trang thông tin điện tử	100	-				100										
Chi nghiệp vụ sở.	220	-				220										
Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	200	-				200										
Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh	200	-				200										
Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NLN	450	-				450										
Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão	13.810	-				13.810										

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cấp đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cân đối ngân sách																		
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																		
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PT	
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư XD cơ sở hạ tầng	Chi đầu tư XD cơ sở hạ tầng		Chi đầu tư XD cơ sở hạ tầng	Định mức									Nhiệm vụ
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.234	1.234	-	-	1.234	1.234	-	-	1.234	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức đối quân lý do	2.296	2.296	-	-	2.296	2.296	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tu bổ đề, kế công	5.000	-	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kế	4.000	4.000	-	-	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	60	60	-	-	60	-	30	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và nghiệp vụ	500	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi Ban chỉ huy phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng, chi sửa chữa hư Thanh Thủy: 300 triệu	700	700	-	-	700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Chi cục Thủy lợi	9.150	9.150	-	-	9.150	2.920	6.230	1.924	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.824	1.824	-	-	1.824	-	-	1.824	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức biên chế sự nghiệp	1.066	1.066	-	-	1.066	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi ban chỉ đạo quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	200	200	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống ứng, chống hạn, vệ sinh môi trường nông thôn	300	300	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	300	300	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	60	60	-	-	60	30	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	400	400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do công đồng quản lý và các công trình thủy lợi	5.000	5.000	-	-	5.000	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Chi cục Thủy sản	4.562	4.562	-	-	4.562	2.332	2.230	1.682	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.482	1.482	-	-	1.482	-	-	1.482	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	820	820	-	-	820	-	-	820	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ mua cá bột bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm...	400	400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn	300	300	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thủy sản (chỉ lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra...), điều tra, lấy mẫu thức ăn phục vụ thành tra chuyên ngành	200	200	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn	400	400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi thực hiện quan trắc môi trường, lấy mẫu phân tích, xét nghiệm cảnh báo, phòng trị dịch bệnh thủy sản	200	200	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cân đối ngân sách													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực						
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề
				Chi đầu tư từ nguồn tài sản tập trung	Chi đầu tư từ nguồn tài sản sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ				
Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng thâm canh	200	200	-				200		200				
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	60	60	-				60	30	30				
Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản	300	300	-				300		300				
Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	3.462	3.462	-				3.462	1.522	1.940	3.462			
Chi định mức	1.482	1.482	-				1.482	1.482	-	1.482			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	80	80	-				80	40	40	80			
Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300	300			
Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn	600	600	-				600		600	600			
Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản	200	200	-				200		200	200			
Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	150	150	-				150		150	150			
Chi tổ chức các đoàn thành tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm	300	300	-				300		300	300			
Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích ...	350	350	-				350		350	350			
Chi cục Lâm nghiệp	2.110	2.110	-				2.110	1.520	590	1.770			
Chi định mức biên chế	1.140	1.140	-				1.140	1.140	-	1.140			
Chi định mức sự nghiệp	340	340	-				340	340	-	-			
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	150	150	-				150		150	150			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra và chi nghiệp vụ quản lý lâm nghiệp	480	480	-				480	40	440	480			
Chi cục phát triển nông thôn	3.305	3.305	-				3.305	2.135	1.170	2.335			
Chi định mức QLNN	1.710	1.710	-				1.710	1.710	-	1.710			
Chi định mức sự nghiệp	425	425	-				425	425	-	425			
Chi nghiệp vụ	100	100	-				100		100	100			
Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	300	300	-				300		300	300			
Kinh phí hội chợ làng nghề	200	200	-				200		200	-			
Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng.	400	400	-				400		400	-			
Chi kiểm tra, chi đạo làng nghề và thường công nhân làng nghề (3 làng x30tr); kiểm tra 20tr; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Trưởng các làng nghề 60tr.	170	170	-				170		170	-			

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

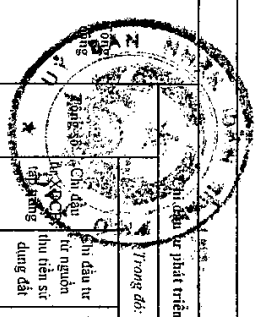
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Tỷ lệ chi:		Chi từ nguồn tài trợ khác	Chi từ nguồn tài trợ khác	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giao dịch, Báo cáo và đây nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTT
				Chi đầu tư	Chi đầu tư				Định mức	Nhiệm vụ								
19	Chi cục kiểm lâm	32.155	32.155	-	-	-	-	32.155	28.258	3.897	30.045	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	28.258	28.258	-	-	-	-	28.258	28.258	-	28.258	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm tài sản	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi trang phục ngành và nghiệp vụ	800	800	-	-	-	-	800	-	800	800	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR.	360	360	-	-	-	-	360	-	360	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường bằng căn địa	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm thiết bị	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Bảo vệ rừng mua kho hàng 139 xuất	250	250	-	-	-	-	250	-	250	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi trả nợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc	487	487	-	-	-	-	487	-	487	487	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ sửa chữa các hạt kiểm lâm: Tân Sơn, Phú Lâm, Việt An, Thanh Sơn, các hạt: Lai Động, Phương Vỹ, Bân Sơn, Tân Sơn, Chi Tiên, Ngọc Lập (CC Kiểm Lâm).	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn	4.910	4.910	-	-	-	-	4.910	3.910	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	3.910	3.910	-	-	-	-	3.910	3.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tuyên truyền tập huấn cho người dân về công tác phòng chống cháy rừng.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Bứa	1.395	1.395	-	-	-	-	1.395	595	700	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	595	595	-	-	-	-	595	595	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường bằng căn địa	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Ban quản lý rừng phòng hộ Ngòi Giành	1.505	1.505	-	-	-	-	1.505	805	700	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	805	805	-	-	-	-	805	805	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường bằng căn địa.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và thanh toán kinh phí sửa chữa nhà làm việc.	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Trung tâm khuyến nông	6.870	6.870	-	-	-	-	6.870	2.870	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	2.870	2.870	-	-	-	-	2.870	2.870	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thông tin tuyên truyền	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thêm quan học tập	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tập huấn, huấn luyện	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoàn Hùng	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên truyền	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư	2.000	2.000	-	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Tư vấn giám sát môi trường Phú Thọ	4.058	4.058	-	-	-	-	4.058	1.558	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	1.558	1.558	-	-	-	-	1.558	1.558	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tuyên truyền + nghiệp vụ.	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
Chi cần đối ngân sách															
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
		Tổng số	Trong đó:				Định mức	Nghị quyết vụ							
			Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu ngân sách địa phương										
Hỗ trợ sản xuất giống lợn góc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng	800	-				800		800			-				
Hỗ trợ sản xuất gà giống	300	-				300		300			-				
Chi mua sắm +sửa chữa tài sản	500	-				500		500			-				
Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn	300	-				300		300			-				
Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.	300	-				300		300			-				
Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	425	-				425		425			-				
Sở Nội vụ	6.412	-				6.412		4.632		1.780	-				
Chi định mức	4.592	-				4.592		4.592		4.592	-				
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	80	-				80		40		40	-				
Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020.	300	-				300		300		300	-				
Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tình nguyện viên chế.	500	-				500		500		500	-				
Chi nghiệp vụ.	440	-				440		440		440	-				
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và duy trì mạng Lan	500	-				500		500		500	-				
Ban Tôn giáo	1.698	-				1.698		798		900	-				
Chi định mức	798	-				798		798		798	-				
Chi nghiệp vụ	300	-				300		300		300	-				
Mua sắm tài sản	100	-				100		100		100	-				
Chi chức năng, thanh lý các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo.	500	-				500		500		500	-				
Ban dân tộc	3.270	-				3.270		2.290		980	-				
Chi định mức biên chế	2.260	-				2.260		2.260		2.260	-				
Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và tham hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg	400	-				400				400	-				
Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	-				300		300		300	-				
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	60	-				60		30		30	-				
Chi nghiệp vụ	250	-				250		250		250	-				
Ban thi đua khen thưởng	2.196	-				2.196		1.596		600	-				
Chi định mức	1.596	-				1.596		1.596		1.596	-				
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	-				200				200	-				
Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng	400	-				400				400	-				
Thanh tra tỉnh	7.738	-				7.738		5.688		2.050	-				
Chi theo định mức	4.920	-				4.920		4.920		4.920	-				

Chi cần đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TD/TT
			Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghị quyết vụ							
-	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra.	868	868	-	868	468	400	868	-	-	-	-	-	-
-	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư	300	300	-	300	300	-	300	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản.	300	300	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí duy trì mạng LAN và trang thông tin điện tử	200	200	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí trích cho thanh tra tình để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012.	600	600	-	600	-	600	600	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	530	530	-	530	-	530	530	-	-	-	-	-	-
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thành tra (Thanh tra tỉnh)	1.452	1.452	-	1.452	902	550	1.452	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	902	902	-	902	902	-	902	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại tố cáo.	330	330	-	330	-	330	330	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
32	Sở Tài chính	11.534	11.534	-	11.534	7.884	3.650	11.534	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	7.728	7.728	-	7.728	7.728	-	7.728	-	-	-	-	-	-
-	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá.	300	300	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-
-	Duy trì đèn rọi, hệ thông TABM/IT.	500	500	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-	50	-	50	50	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 32/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNN; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phân miễn quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, tra soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kết cấu giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia, triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...	400	400	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện es thuy lớn phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lượt diện hạ áp nông thôn, công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.	300	300	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng thành quả giá đất theo ND 44/2014/NĐ-CP ; Hội đồng thẩm định giá đất cơ thể tình tiền sử dụng đất theo ND 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC; TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá.	300	300	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-



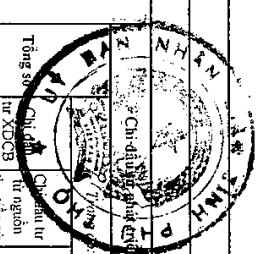
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
			Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thông tin, lưu trữ tài chính	450	450	-	-	-	450	-	450	450	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
Chi nghiệp vụ ngành.	550	550	-	-	-	550	-	550	550	-	-	-	-	-	-	-
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra và nghiệp vụ.	456	456	-	-	-	456	-	456	300	456	-	-	-	-	-	-
Sơ Công thường	10.878	10.878	-	-	-	10.878	-	6.098	4.780	10.878	-	-	-	-	-	-
Chi định mức	6.048	6.048	-	-	-	6.048	-	6.048	-	6.048	-	-	-	-	-	-
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	100	100	-	-	-	100	-	50	50	100	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế quốc tế	200	200	-	-	-	200	-	-	200	200	-	-	-	-	-	-
Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.	550	550	-	-	-	550	-	-	550	550	-	-	-	-	-	-
Kinh phí bán giao lưới điện áp nông thôn (Ban quản lý RE IT)+ Tổ chức thu hồi vốn Dự án năng lượng nông thôn.	200	200	-	-	-	200	-	-	200	200	-	-	-	-	-	-
Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng về nông thôn miền núi	600	600	-	-	-	600	-	-	600	600	-	-	-	-	-	-
Chi BCE an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).	500	500	-	-	-	500	-	-	500	500	-	-	-	-	-	-
Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-
Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.	300	300	-	-	-	300	-	-	300	300	-	-	-	-	-	-
Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012); 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016); 300 triệu.	600	600	-	-	-	600	-	-	600	600	-	-	-	-	-	-
Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-	-	-	330	-	-	330	330	-	-	-	-	-	-
Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành công thương.	450	450	-	-	-	450	-	-	450	450	-	-	-	-	-	-
Sơ Xây dựng	6.728	6.728	-	-	-	6.728	-	-	5.538	6.728	-	-	-	-	-	-
Chi định mức	5.488	5.488	-	-	-	5.488	-	-	5.488	5.488	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi ngân sách cấp tỉnh			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PT
			Tổng cộng	Chi ngân sách cấp tỉnh	Chi từ nguồn ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	140	140	-	140	70	70	140	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm tài, sản chữa tài sản.	180	180	-	180	180	180	180	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng.	50	50	-	50	50	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.	150	150	-	150	150	150	150	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí hoạt động của BCD thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.	200	200	-	200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ.	220	220	-	220	220	220	220	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.	300	300	-	300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Số Giao thông vận tải	10.587	10.587	-	10.587	9.767	820	10.587	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	9.520	9.520	-	9.520	9.520	-	9.520	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-	300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-	330	330	330	330	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	437	437	-	437	247	190	437	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Số Tư pháp.	7.997	7.997	-	7.997	4.324	3.673	7.997	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	4.294	4.294	-	4.294	4.294	-	4.294	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	400	400	-	400	400	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí duy trì tu sách pháp luật (2triệu đồng/năm; riêng huyện Tân sơn: 2,5triệu đồng/năm).	563	563	-	563	563	563	563	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biển mẫu, sổ sách cấp hồ tích cho các xã phường, thị trấn, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	400	400	-	400	400	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác hành chính tư pháp;	300	300	-	300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	500	500	-	500	500	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc số Tư pháp	350	350	-	350	350	350	350	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)	300	300	-	300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ.	330	330	-	330	330	330	330	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
			Chi đầu tư XDCB từ tập trung	Chi đầu tư từ ngân sách địa phương	Chi từ nguồn khác		Định mức	Nhiệm vụ								
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	-	-	-	-	60	30	30	60	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	500	-	-	-	-	500	500	500	500	-	-	-	-	-	-	-
Sở Tài nguyên và Môi trường	25.164	-	-	-	-	25.164	4.524	20.640	4.737	-	-	-	-	-	-	-
Chi định mức	4.407	-	-	-	-	4.407	4.407	-	4.407	-	-	-	-	-	-	-
Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...	330	-	-	-	-	330	-	330	330	-	-	-	-	-	-	-
Chính lý biên động đất đai	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020.	1.500	-	-	-	-	1.500	-	1.500	1.500	-	-	-	-	-	-	-
Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.	800	-	-	-	-	800	-	800	800	-	-	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chỉ tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-
Các hoạt động quản lý khoáng sản và thăm định cấp quyền khai thác khoáng sản	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-
Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường.	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hoá đất kỹ đầu tỉnh Phú Thọ.	2.000	-	-	-	-	2.000	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".	2.000	-	-	-	-	2.000	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-
Các hoạt động quản lý tài nguyên nước- khí tượng thủy văn	100	-	-	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-
Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-
Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường	400	-	-	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-	-
Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-
Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh	100	-	-	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-
Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017												
Chi cần đối ngân sách												
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá
					Định mức	Nghị vụ						
	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	1.000	1.000	1.000		1.000				-		
	Chi trang phục + Chi đồ bồi dưỡng công chức thành tra.	217	217	217	117	100				-		
	Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên	400	400	400		400				-		
	Kinh phí do đặc trích học bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ	100	100	100		100				-		
	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của 11 huyện trên địa bàn tỉnh.	360	360	360		360				-		
	Đề án cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến 2020.	200	200	200		200				-		
	Kinh phí thực hiện Dự án hệ thống mạng thông tin về Tài nguyên môi trường.	1.000	1.000	1.000		1.000				-		
	Kinh phí xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn tỉnh.	400	400	400		400				-		
	Đầu tư trang thiết bị và phần mềm để tiếp nhận số liệu quan trắc nước thải tự động từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.	200	200	200		200				-		
	Rà soát, kiểm tra các nguồn thải vào lưu vực sông.	50	50	50		50				-		
	Triển khai Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.	200	200	200		200				-		
38	Chi các quản lý đất đai	2.910	2.910	2.910	1.710	1.200	2.810			-		
	Chi định mức	1.710	1.710	1.710		-	1.710			-		
	Chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật đất đai	200	200	200		200	200			-		
	Chi xác định giá đất, nhằm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDD, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.	500	500	500		500	500			-		
	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	200		200	200			-		
	Chi nghiệp vụ.	200	200	200		200	200			-		
	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2017	100	100	100		100	100			-		
39	Chi các Bảo vệ Môi trường	3.052	3.052	3.052	2.052	1.000	2.252			-		
	Chi định mức	2.052	2.052	2.052		-	2.052			-		
	Chi nghiệp vụ.	100	100	100		100	100			-		
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	100	100	100		100	100			-		
	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường	200	200	200		200	200			-		
	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường, Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	350	350	350		350	350			-		

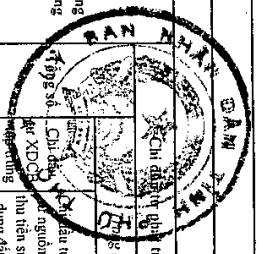


Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách														
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	QLNN	Đảng	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH		
			Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									Bao gồm:	
													Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức
Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình sử lý môi trường trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi trường khu vực thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ... Quản lý môi trường.	250	-				250								
Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	1.295	-				1.295								
Chi định mức	595	-				595								
Chi nghiệp vụ (huớng dẫn, kiểm tra, thu thập, quản lý, cấp nhất, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường tại Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện và cấp xã; tiếp nhận, xử lý, phân loại và xác định giá trị tài liệu về tài nguyên môi trường và chỉ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin...	500	500				500								
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200				200								
Trung tâm trắc bảo vệ môi trường	2.045	-				2.045								
Chi định mức	595	-				595								
Chi nghiệp vụ	350	350				350								
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200				200								
Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Kinh phí sửa chữa, thay thế các linh kiện của Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Theo văn bản quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.	400	400				400								
Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên	500	500				500								
Chi định mức	1.685	-				1.685								
Chi nghiệp vụ	935	935				935								
Mua sắm, sửa chữa tài sản	450	450				450								
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	300	300				300								
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	1.520	-				1.520								
Chi định mức	1.020	-				1.020								
Chi nghiệp vụ trích lục bản đồ, trích sao hồ sơ địa chính, điều chỉnh hồ sơ biến động đất đai...	200	-				200								
Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-				300								
Trung tâm phát triển quỹ đất	1.825	-				1.825								
Chi định mức	1.275	-				1.275								
Chi nghiệp vụ quản lý quỹ đất (Cắm mốc giới, đo đạc bản đồ, lập kế hoạch phương án khai thác sử dụng đất ...)	250	250				250								
Chi thực hiện nhiệm vụ đầu giá quyền sử dụng đất	-	-				-								
Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300				300								
Quỹ Bảo vệ môi trường.	2.455	-				2.455								
Chi định mức	455	-				455								
Bổ sung vốn điều lệ Quỹ bảo vệ môi trường	2.000	2.000				2.000								

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi cần đối ngân sách		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	P	
							Định mức	Nghị quyết vụ									
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	36.616	36.616	-	-	36.616	13.136	21.480	7.986	-	-	-	-	-	27.130	1.500	-
*	Chi định mức	7.056	7.056	-	-	7.056	7.056	-	7.056	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	100	100	-	-	100	50	50	100	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi nghiệp vụ ngành	330	330	-	-	330	-	330	330	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Đoàn kích	6.670	6.670	-	-	6.670	2.720	3.950	-	-	-	-	-	-	6.670	-	-
-	Định mức	2.720	2.720	-	-	2.720	2.720	-	-	-	-	-	-	-	2.720	-	-
-	Xây dựng tiết mức mới	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-
-	Chi biên chế miền núi (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh)	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	200	-	-
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và xây dựng nhà kho Đoàn kích nội	1.500	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	1.500	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-
-	Chi bồi dưỡng lý luận tập	400	400	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	400	-	-
-	Danh dương, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	200	-	-
-	Tập huấn năng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-	-	150	-	150	-	-	-	-	-	-	150	-	-
*	Đoàn chèo	6.580	6.580	-	-	6.580	3.230	3.350	-	-	-	-	-	-	6.580	-	-
-	Định mức	3.230	3.230	-	-	3.230	3.230	-	-	-	-	-	-	-	3.230	-	-
-	Xây dựng tiết mức mới	650	650	-	-	650	-	650	-	-	-	-	-	-	650	-	-
-	Chi biên chế miền núi (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh)	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	300	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị	800	800	-	-	800	-	800	-	-	-	-	-	-	800	-	-
-	Chi bồi dưỡng lý luận tập	450	450	-	-	450	-	450	-	-	-	-	-	-	450	-	-
-	Danh dương, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	300	-	-
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Xoan và di sản khác	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	200	-	-
-	Tập huấn năng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-	-	150	-	150	-	-	-	-	-	-	150	-	-
*	Nghệ thuật Văn hoá thông tin	4.000	4.000	-	-	4.000	-	4.000	-	-	-	-	-	-	4.000	-	-
*	Trung tâm Văn hoá thông tin (trong đó có 200 triệu chi nghiệp vụ)	2.280	2.280	-	-	2.280	2.080	200	-	-	-	-	-	-	2.280	-	-
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình	600	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	600	-	-
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch 200tr)	1.200	1.200	-	-	1.200	-	1.200	-	-	-	-	-	-	1.200	-	-
*	Kinh phí chi cho Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống Văn hoá (trong đó chi cho Ban chỉ đạo 200 triệu)	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cần đối ngân sách															
		Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bảo gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư từ nguồn cấp trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệp vụ								
Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch Phú Thọ; xây dựng 01 sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh...	2.000	2.000	-				2.000		2.000						2.000		
Chương trình hợp tác phát triển 8 tỉnh Tây bắc mở rộng	500	500	-				500		500						500		
Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Văn hóa	1.000	1.000	-				1.000		1.000						1.000		
Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện tỉnh (trong đó sửa chữa sân: 300 triệu đồng)	1.800	1.800	-				1.800		1.800						1.800		
Chi chuyển môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao	1.500	1.500	-				1.500		1.500							1.500	
Bảo tàng Hùng Vương	4.150	4.150	-				4.150	1.600	2.550						4.150		
Chi định mức	1.600	1.600	-				1.600	1.600							1.600		
Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu ..	300	300	-				300		300						300		
Chi khảo sát khai quật di tích khảo cổ học: Tháp Xuân Ấng, huyện Hạ Hòa + An Đạo Phú Ninh.	500	500	-				500		500						500		
Điều tra, nghiên cứu sưu tầm văn hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kinh phí điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản Văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số; Sưu tầm, trưng bày Ngôi nhà Việt Cổ.	400	400	-				400		400						400		
Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường sa, Hoàng Sa	150	150	-				150		150						150		
Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).	300	300	-				300		300						300		
Chi làm nhà vòm bảo quản máy bay, tu sửa sơn lại hiện vật 02 máy bay M1C 21.	300	300	-				300		300						300		
Chi nghiệp vụ.	300	300	-				300		300						300		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản:	300	300	-				300		300						300		
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng	340	340	-				340	340							340		
Thư viện tỉnh	4.960	4.960	-				4.960	1.840	3.120						4.960		
Chi định mức	1.840	1.840	-				1.840	1.840							1.840		
Kinh phí sử lý môi, bảo quản sách	500	500	-				500		500						500		
Kinh phí sử lý môi, bảo quản sách	200	200	-				200		200						200		
Chi phí mua phần mềm thư viện ILIB 6,5 + duy trì Website thư viện;	300	300	-				300		300						300		
Chi tổ chức Triển lãm Đền thờ tuyên truyền giới thiệu sách + triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giải thưởng Vương; tổ chức hội thi cán bộ thư viện giỏi ...	350	350	-				350		350						350		
Kinh phí duy trì dự án BMCF-VN thư viện tỉnh	170	170	-				170		170						170		

Chi cần đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
					Định mức	Nghị vụ							
-	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh	700	700	-	-	700	-	-	-	-	-	700	-
-	Kinh phí vận chuyển xếp dỡ sách báo, phục vụ sửa chữa trụ sở thư viện	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-	100	-
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-	-	300	-	-	-	-	-	300	-
-	Chi bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển đến các điểm bưu điện-văn hóa xã	500	500	-	-	500	-	-	-	-	-	500	-
50	Khu di tích lịch sử đền Hùng	7.220	7.220	-	-	7.220	-	-	-	-	-	7.220	-
-	Chi định mức	6.120	6.120	-	-	6.120	-	-	-	-	-	6.120	-
-	Chi mua sắm tài sản	500	500	-	-	500	-	-	-	-	-	500	-
-	Kinh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhân bản giao từ Công ty Giấy	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-	100	-
-	Chi xây dựng kế hoạch báo tôn, phát huy giá trị Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, giai đoạn 2016-2020.	500	500	-	-	500	-	-	-	-	-	500	-
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ	2.741	2.741	-	-	2.741	-	-	-	-	-	2.741	-
-	Chi định mức	1.148	1.148	-	-	1.148	-	-	-	-	-	1.148	-
-	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành (25 triệu chuyên ngành)	225	225	-	-	225	-	-	-	-	-	225	-
-	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành	123	123	-	-	123	-	-	-	-	-	123	-
-	Kinh phí mở lớp năng khiếu sáng tác bồi dưỡng tài năng trẻ	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-	100	-
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ Việt Nam năm 2017; 50 triệu; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và âm nhạc đi dự liên hoan và triển lãm : 3 x 20 =60 triệu; Hội thảo về nhà văn Nguyễn Hữu Nhân: 50 triệu.	160	160	-	-	160	-	-	-	-	-	160	-
-	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội mực thước Trung ương tại tỉnh Phú Thọ	135	135	-	-	135	-	-	-	-	-	135	-
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-	-	300	-	-	-	-	-	300	-
-	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách âm nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Vẻ đẹp tiềm ẩn quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).	150	150	-	-	150	-	-	-	-	-	150	-
52	Tập chí văn nghệ Đất Tổ	1.996	1.996	-	-	1.996	-	-	-	-	-	1.996	-
-	Chi định mức	680	680	-	-	680	-	-	-	-	-	680	-
-	Hỗ trợ trả nhuận bút Tập chí văn nghệ Đất Tổ và phụ san	666	666	-	-	666	-	-	-	-	-	666	-
-	Tập chí văn nghệ Đất Tổ	666	666	-	-	666	-	-	-	-	-	666	-
-	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã DBKK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trong tỉnh: 100tr.	200	200	-	-	200	-	-	-	-	-	200	-
-	Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ để tái "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...	250	250	-	-	250	-	-	-	-	-	250	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
			Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Chi từ nguồn vốn ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	-			200	200	-	200	-	-	-	-	-	200	-	-
Hội Nhà báo	1.175	-			1.175	675	500	300	-	-	-	-	-	1.175	-	-
Chi định mức	425	-			425	425	-	-	-	-	-	-	-	425	-	-
Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm: 150 triệu; Tổ chức hội báo xuân: 100 triệu.	250	-			250	250	-	-	-	-	-	-	-	250	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	-			200	200	-	200	-	-	-	-	-	200	-	-
Chi nghiệp vụ	300	-			300	300	-	300	-	-	-	-	-	300	-	-
Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	8.254	-			8.254	5.434	2.800	600	-	-	-	-	-	8.254	-	-
Chi định mức biên chế	600	-			600	600	-	300	-	-	-	-	-	600	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc, thiết bị	300	-			300	300	-	500	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi mua sắm máy chiếu phim HD	500	-			500	500	-	1.500	-	-	-	-	-	500	-	-
Chi sửa chữa rạp Hoà Phong	1.500	-			1.500	500	-	500	-	-	-	-	-	1.500	-	-
Chi nghiệp vụ	500	-			500	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
Chi trợ giá các buổi chiếu phim miễn phí 2.745.000đ x 1.616 buổi; phim thiếu nhi 126 buổi x 2.637.000đ + cấp bù kinh phí các buổi chiếu phim do nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương: 86 triệu.	4.854	-			4.854	4.854	-	-	-	-	-	-	-	4.854	-	-
Trung tâm Thông tin tức tiền du lịch	3.776	-			3.776	1.476	2.300	-	-	-	-	-	-	3.776	-	-
Chi định mức	1.476	-			1.476	1.476	-	-	-	-	-	-	-	1.476	-	-
Chi nghiệp vụ	300	-			300	300	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Kinh phí chương trình xúc tiến du lịch tỉnh Phú Thọ năm 2017	1.500	-			1.500	1.500	-	-	-	-	-	-	-	1.500	-	-
Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ + in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du lịch Phú Thọ	300	-			300	300	-	300	-	-	-	-	-	300	-	-
Sửa chữa, mua sắm tài sản	200	-			200	200	-	200	-	-	-	-	-	200	-	-
Trung tâm dịch vụ môi trường và Hạ tầng kỹ thuật khu Di tích lịch sử Đền Hùng	1.420	-			1.420	820	600	-	-	-	-	-	-	1.420	-	-
Chi định mức;	820	-			820	820	-	-	-	-	-	-	-	820	-	-
Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quần lý.	600	-			600	600	-	600	-	-	-	-	-	600	-	-
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51.874	-			51.874	26.904	24.970	6.430	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi quản lý nhà nước	6.430	-			6.430	5.600	830	6.430	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi định mức	5.600	-			5.600	5.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động tuyên truyền chính sách người có công, bảo trợ xã hội...	330	-			330	330	-	330	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	-			500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
Trung tâm Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tàn tật	8.326	-			8.326	7.626	700	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi định mức	4.200	-			4.200	4.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	426	-			426	426	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trợ cấp các đối tượng theo ND 136/2013/NĐ-CP.	3.000	-			3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi trả đối tượng khác

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		Tổng cộng	Tổng cộng cộng	Chi đoàn	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bên chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT	
								Định mức	Nhiệm vụ									
	Chi tuyên truyền tư vấn cho người dân thân địa vào cộng đồng.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trang tâm giáo dục Lao động xã hội	9.084	9.084	-	-	-	9.084	8.684	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	5.200	5.200	-	-	-	5.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí cấp thu hút đặc thù (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 411/5/QĐ-LUBND)	884	884	-	-	-	884	884	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng trả tự do tại trung tâm	2.600	2.600	-	-	-	2.600	2.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trang tâm điều dưỡng người có công	5.644	5.644	-	-	-	5.644	4.944	700	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	4.800	4.800	-	-	-	4.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144	144	-	-	-	144	144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	600	600	-	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Nhiệm vụ ngành	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thu gom các đối tượng lang thang	12.000	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mã tăng phí cấp Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	600	600	-	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ	1.100	1.100	-	-	-	1.100	-	1.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi trả các đối tượng chính sách tại +27/7-báo	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyển dụng về xuất khẩu lao động	70	70	-	-	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí chi công tác tuyển truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đưa đơn các đối tượng đi điều dưỡng	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7	350	350	-	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thu nhập, xử lý thông tin cung cấp lao động	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	250	250	-	-	-	250	-	250	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi trả soát hộ nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyển truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp.	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020, Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cấn đối ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
			Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200	200	-			200		200								
Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ, GD 2016-2020.	200	200	-			200		200								
Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450	450	-			450		450								
Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300	300	-			300		300								
Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (ngành cao tuổi, dạy nghề, ...)	300	300	-			300		300								
Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200	200	-			200		200								
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	100	100	-			100		50	50							
Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh	50	50	-			50			50							
Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng.	1.070	1.070	-			1.070		1.070	1.070							
Các nhiệm vụ phát sinh khác	600	600	-			600			600							
Kinh phí quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ.	200	200	-			200		200	200							
Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150	150	-			150			150							
Kinh phí thực hiện KH số 87/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thực đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020.	300	300	-			300			300							
Chi các phòng chống tệ nạn xã hội	2.418	2.418	-			2.418		1.368	1.050							
Chi định mức	1.368	1.368	-			1.368		1.368	1.368							
Chi nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội.	300	300	-			300			300							
Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-			200			200							
Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống ma túy; Công tác phòng chống ma túy.	500	500	-			500			500							
Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về.	50	50	-			50			50							

Chi của đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT
							Định mức	Nhiệm vụ								
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	500	500	-	-	500	300	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	300	300	-	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2.749	2.749	-	-	2.749	2.549	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	1.300	1.300	-	-	1.300	1.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg, QĐ số 4115/QĐ-UBND)	272	272	-	-	272	272	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 12/2010/TTLT, BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010	977	977	-	-	977	977	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	200	200	-	-	200	3.504	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ	5.704	5.704	-	-	5.704	3.164	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3.164	3.164	-	-	3.164	340	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức biên chế sự nghiệp	340	340	-	-	340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi quản lý nhà nước và bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý Khu Công nghiệp	800	800	-	-	800	-	800	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Sở Thông tin và truyền thông	8.815	8.815	-	-	8.815	5.137	3.678	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3.729	3.729	-	-	3.729	3.729	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giáo tiếp diện từ	1.668	1.668	-	-	1.668	1.368	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu	350	350	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt nam ở biên Đông	450	450	-	-	450	-	450	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đài truyền thanh theo kế hoạch số 3885/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã Việt Nam (theo thỏa thuận giữa Chủ tịch UBND tỉnh với Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ngày 03/6/2015)	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-

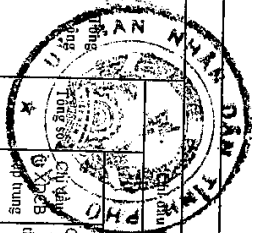
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cần đối ngân sách																	
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng cộng	Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Bảo tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
							Định mức	Nhiệp vụ									
Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, báo chí chính trị, thông tin, công tác thanh tra kiểm tra và lĩnh vực thông tin truyền thông	500	500	-			500	-	500									
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-			80	40	40		80			-				
Kinh phí xây dựng phương tiện và thực hiện điều tra, khảo sát, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu tư truyền hình kỹ thuật số mặt đất với hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo QĐ số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011; TT số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016).	150	150	-			150	-	150		150			-				
Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin.	258	258	-			258	-	258		258			-				
Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-			330	-	330		330			-				
Chi cục quản lý thị trường	13.424	13.424	-			13.424	11.834	1.590		13.424			-				
Chi theo định mức	11.834	11.834	-			11.834	11.834	-		11.834			-				
Chi trang phục ngành.	300	300	-			300	-	300		300			-				
Thuế trị sở làm việc của đội Quản lý thị trường Yên Lập	90	90	-			90	-	90		90			-				
Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo 389	200	200	-			200	-	200		200			-				
Mua sắm + sửa chữa tài sản	500	500	-			500	-	500		500			-				
Chi tổ chức tuyên truyền, triển khai, tập huấn pháp lệnh quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH ngày 08/3/2016 và nghiệp vụ.	300	300	-			300	-	300		300			-				
Mua ấn chỉ Quản lý thị trường hàng năm	200	200	-			200	-	200		200			-				
Sở Ngoại vụ	5.030	5.030	-			5.030	2.270	2.760		5.030			-				
Định mức	2.260	2.260	-			2.260	2.260	-		2.260			-				
Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc tại tỉnh	700	700	-			700	-	700		700			-				
Chi thuê phiên dịch các đoàn khách, thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xác tên đầu tư	300	300	-			300	-	300		300			-				
Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiệp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày quốc khánh	300	300	-			300	-	300		300			-				
Chi mở lớp tập huấn về công tác đối ngoại	150	150	-			150	-	150		150			-				
Chi hoạt động nghiệp vụ	300	300	-			300	-	300		300			-				
Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại	700	700	-			700	-	700		700			-				
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	20	20	-			20	10	10		20			-				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300		300			-				
Chi cục Văn thư lưu trữ	6.942	6.942	-			6.942	2.542	4.400		6.942			-				
Chi định mức	2.242	2.242	-			2.242	2.242	-		2.242			-				
Kinh phí nghiệp vụ lưu trữ.	400	400	-			400	-	400		400			-				

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT
							Định mức	Nghề vụ							
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác văn thư tại trụ:	400	400	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi trả cho thuê hệ thống cửa nhà làm việc, kho lưu trữ lịch sử, cải tạo bếp củi thành kho để tài liệu và một số hàng mục khác:	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí về sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông tư 15/2011/TT-BNV.	300	300	-	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng kho lưu trữ.	600	600	-	-	600	-	600	600	-	-	-	-	-	-
-	Chi tập huấn công tác văn thư lưu trữ	300	300	-	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng UBND và UBND tỉnh (dữ liệu điện tử).	700	700	-	-	700	-	700	700	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-
66	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.	7.196	7.196	-	-	7.196	2.160	5.036	6.260	-	-	936	-	-	-
-	Chi định mức	2.160	2.160	-	-	2.160	-	-	2.160	-	-	-	-	-	-
-	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.	3.000	3.000	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.	200	200	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ khuyến công	200	200	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí đào tạo	936	936	-	-	936	-	936	936	-	-	936	-	-	-
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	500	500	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp	1.538	1.538	-	-	1.538	1.538	-	1.538	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.538	1.538	-	-	1.538	-	-	1.538	-	-	-	-	-	-
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp	600	600	-	-	600	-	-	600	-	-	-	-	-	-
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ	1.224	1.224	-	-	1.224	-	-	1.224	-	-	-	-	-	-
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Số Xây dựng)	864	864	-	-	864	-	-	864	-	-	-	-	-	-
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính	2.566	2.566	-	-	2.566	1.066	1.500	2.566	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.066	1.066	-	-	1.066	-	-	1.066	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cấp nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017	200	200	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Số Kế hoạch và Đầu tư)	100	100	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	2.376	2.376	-	-	2.376	-	2.376	2.376	-	-	-	-	-	-
-	Chi đơn tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ	1.476	1.476	-	-	1.476	-	-	1.476	-	-	-	-	-	-
-		400	400	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

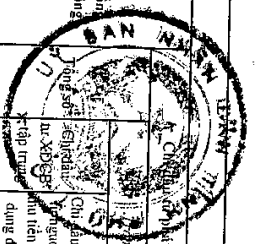
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
			Chi đầu tư XDCB tư tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ									
	300	300	-			300		300	300								
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-			200		200	200								
Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư	1.030	1.030	-			1.030	680	350	1.030								
Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và du lịch	680	680	-			680	680	-	680								
Chi định mức	350	350	-			350	-	350	350								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Nhiệm vụ	590	590	-			590	340	250	590								
Quý phát triển đất tỉnh Phú Thọ	340	340	-			340	340	-	340								
Chi định mức biên chế	50	50	-			50	-	50	50								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-			200	-	200	200								
Chi nghiệp vụ +Phụ cấp cán bộ biên nhiệm	1.620	1.620	-			1.620	820	800	1.620								
Trung tâm Công nghệ thông tin Tây Bắc	820	820	-			820	820	-	820								
Chi định mức biên chế	200	200	-			200	-	200	200								
Mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300	300								
Chi triển khai công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính và mạng máy tính trong tỉnh và chi nghiệp vụ:	300	300	-			300	-	300	300								
Chi bộ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng	600	600	-			600	-	600	600								
Phòng công chứng số 1	450	450	-			450	-	450	450								
Phòng công chứng số 2	2.660	2.660	-			2.660	1.760	900	2.660								
Trung tâm trợ giúp pháp lý:	1.760	1.760	-			1.760	1.760	-	1.760								
Chi định mức biên chế	200	200	-			200	-	200	200								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Máy trang phục cho trợ giúp viên pháp lý:	200	200	-			200	-	200	200								
Chi trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật:	500	500	-			500	-	500	500								
Chi công tác truyền thông và trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và các nghiệp vụ khác	475	475	-			475	375	100	475								
Trung tâm dịch vụ bản đầu tư tài sản:	1.066	1.066	-			1.066	1.066	-	1.066								
Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh:	340	340	-			340	340	-	340								
Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông	1.812	1.812	-			1.812	1.312	500	1.812								
Trung tâm Công Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở Thông tin và Truyền thông)	1.312	1.312	-			1.312	1.312	-	1.312								
Chi định mức	100	100	-			100	-	100	100								
Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng	200	200	-			200	-	200	200								
Chi hoạt động nghiệp vụ công giao tiếp điện tử:	200	200	-			200	-	200	200								
Mua sắm tài sản	1.802	1.802	-			1.802	902	900	1.802								
Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ):	902	902	-			902	902	-	902								
Chi định mức	200	200	-			200	-	200	200								
Chi mua sắm tài sản	100	100	-			100	-	100	100								
Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại:	300	300	-			300	-	300	300								
Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ:			-				-										

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Bao gồm:		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
					Định mức	Nghị quyết							
	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, họp huấn, ... về hoạt động đối ngoại.	300	300	300		300	300						
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công Thương)	2.730	2.730	2.730	1.230	1.500	2.730	-					
	Chi định mức	1.230	1.230	1.230	1.230	-	1.230	-					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	300	-	300	300	-					
	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại	200	200	200	-	200	200	-					
	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh, hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...	300	300	300	-	300	300	-					
	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020	500	500	500	-	500	500	-					
	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu.	200	200	200	-	200	200	-					
85	Văn phòng tỉnh ủy	57.793	57.793	57.793	7.289	50.504	57.793	-					
	Chi của Văn phòng tỉnh ủy	10.262	10.262	10.262	7.289	2.973	10.262	-					
	Chi theo định mức	6.890	6.890	6.890	6.890	-	6.890	-					
	Phụ cấp cấp ủy theo QĐ169 (Sở BCH đảng bộ tỉnh)	399	399	399	399	-	399	-					
	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin	250	250	250	-	250	250	-					
	Chi nghiệp vụ và tài chính đảng	100	100	100	-	100	100	-					
	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng; Công nghệ thông tin lễ tân, khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ).	300	300	300	-	300	300	-					
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	800	800	800	-	800	800	-					
	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân	103	103	103	-	103	103	-					
	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	120	120	120	-	120	120	-					
	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm	300	300	300	-	300	300	-					
	Mua sắm sửa chữa tài sản	1.000	1.000	1.000	-	1.000	1.000	-					
	Chi nghiệp vụ Khối Đảng	38.631	38.631	38.631	-	38.631	38.631	-					
	Chi tăng cường đảng bộ trong sạch, vững mạnh	500	500	500	-	500	500	-					
	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh ủy	2.000	2.000	2.000	-	2.000	2.000	-					
	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	300	300	300	-	300	300	-					
	Chi học tập nghiên cứu Trung ương + Tỉnh	3.000	3.000	3.000	-	3.000	3.000	-					
	Chi khen thưởng các khối tỉnh ủy	2.000	2.000	2.000	-	2.000	2.000	-					
	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh ủy	900	900	900	-	900	900	-					
	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh	1.500	1.500	1.500	-	1.500	1.500	-					
	Chi đưa đón cán bộ lao thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát	500	500	500	-	500	500	-					
	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh ủy + Ban Thường vụ	4.500	4.500	4.500	-	4.500	4.500	-					
	Chi tăng lương theo 40,50,60... năm tuổi Đảng	17.251	17.251	17.251	-	17.251	17.251	-					



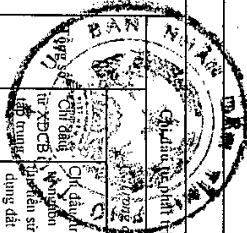
T

Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
		Tổng cộng	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Định mức		Nghị quyết									
Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh uỷ	2.000	2.000	-			2.000		2.000		2.000		-				
Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về Công nghệ thông tin	680	680	-			680		680		680		-				
Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình của tỉnh uỷ	300	300	-			300		300		300		-				
Các nhiệm vụ phát sinh khác tỉnh uỷ	3.200	3.200	-			3.200		3.200		3.200		-				
Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối tỉnh uỷ	2.500	2.500	-			2.500		2.500		2.500		-				
Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh uỷ	400	400	-			400		400		400		-				
Chi sửa chữa tư sở làm việc của Tỉnh uỷ	6.000	6.000	-			6.000		6.000		6.000		-				
Ban Tổ chức	10.279	10.279	-			10.279		4.680		10.279		-				
Chi theo định mức	4.680	4.680	-			4.680		4.680		4.680		-				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300		300		-				
Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	350	350	-			350		350		350		-				
Chi đồng sức thăm hỏi	4.949	4.949	-			4.949		4.949		4.949		-				
Ban Tuyên giáo	7.520	7.520	-			7.520		4.410		7.520		-				
Chi theo định mức	4.160	4.160	-			4.160		4.160		4.160		-				
Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên: 200 triệu; Chi Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 400tr.	600	600	-			600		-		600		-				
Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo: 100 triệu; lễ chúc tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp huyện: 40 triệu.	140	140	-			140		-		140		-				
Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh	250	250	-			250		-		250		-				
Chi thông tin sinh hoạt chi bộ/tuyên truyền viên	850	850	-			850		-		850		-				
Phụ cấp báo cáo viên theo hướng dẫn 06-HĐ/BCTW-BTGTW	119	119	-			119		119		119		-				
Phụ cấp công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 06-HĐ/BCTW	131	131	-			131		131		131		-				
Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng	170	170	-			170		-		170		-				
Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết + chuyển đề	300	300	-			300		-		300		-				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		-		300		-				
Chi Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại	200	200	-			200		-		200		-				
Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-			300		-		300		-				
Ủy ban kiểm tra tỉnh uỷ	5.780	5.780	-			5.780		4.160		5.780		-				
Chi theo định mức	4.160	4.160	-			4.160		4.160		4.160		-				
Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020	70	70	-			70		-		70		-				

Chi cân đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đoàn thể		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TTT	PTT
			Tổng cộng	Chi đoàn thể		Định mức	Nhiệm vụ								
	Chi công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và các ban xây dựng đảng tỉnh, Toà án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh ...	300	300	-	300		300		300	-	-	-	-	-	-
	- Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-	300		300		300	-	-	-	-	-	-
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	300		300		300	-	-	-	-	-	-
	- Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát của 11 thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	450	450	-	450		450		450	-	-	-	-	-	-
	- Chi công tác xuất bản báo tin công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Phú Thọ	200	200	-	200		200		200	-	-	-	-	-	-
	89 Ban Dân vận	4.560	4.560	-	4.560	2.860	1.700	-	4.560	-	-	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	2.860	2.860	-	2.860				2.860	-	-	-	-	-	-
	- Mua tạp chí Dân vận, báo tin tôn giáo	100	100	-	100		100		100	-	-	-	-	-	-
	- Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo	400	400	-	400		400		400	-	-	-	-	-	-
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	300		300		300	-	-	-	-	-	-
	- Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	200	200	-	200		200		200	-	-	-	-	-	-
	- Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	350	350	-	350		350		350	-	-	-	-	-	-
	- Chi tổ chức các hội nghị: Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh ủy và công tác dân vận	250	250	-	250		250		250	-	-	-	-	-	-
	- Chi hoạt động của Ban chỉ đạo triển khai phối hợp hoạt động công tác dân vận	100	100	-	100		100		100	-	-	-	-	-	-
	90 Ban Phú Thọ	14.518	14.518	-	14.518	5.455	9.063	-	14.518	-	-	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	5.200	5.200	-	5.200				5.200	-	-	-	-	-	-
	- Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy	255	255	-	255				255	-	-	-	-	-	-
	- Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi	600	600	-	600		600		600	-	-	-	-	-	-
	- Chi nhuận bút các hoạt báo + Báo biểu (Báo thường 3300x2600/ky x1200đ, Báo cuối tuần 3300x 851 ky x1800đồng)	5.247	5.247	-	5.247		5.247		5.247	-	-	-	-	-	-
	- In mẫu trang 1 và trang 4 (7.450x x 350 /mẫu x 52 tuần x 3960đồng / tờ)	767	767	-	767		767		767	-	-	-	-	-	-
	- Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ	1.548	1.548	-	1.548		1.548		1.548	-	-	-	-	-	-
	- Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phòng văn Ban Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc	300	300	-	300		300		300	-	-	-	-	-	-
	- Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chi báo	600	600	-	600		600		600	-	-	-	-	-	-
	Ban Nội chính	4.730	4.730	-	4.730	2.730	2.000	-	4.730	-	-	-	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cân đối ngân sách																		
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TD/TT	PTTH		
			Chi đầu tư XDCB từ trung tập	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ										
Chi theo định mức	2.730	2.730	-	-	-	2.730	2.730	-	-	2.730	-	-	-	-	-	-	-	-
Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị	100	100	-	-	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng	200	200	-	-	-	200	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-
Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân	200	200	-	-	-	200	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-
Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử	100	100	-	-	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng	250	250	-	-	-	250	250	-	250	-	250	-	-	-	-	-	-	-
Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng	150	150	-	-	-	150	150	-	150	-	150	-	-	-	-	-	-	-
Mua tin tức báo về tham nhũng	100	100	-	-	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh ủy.	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
Đảng uỷ khởi các cơ quan tỉnh	7.227	7.227	-	-	-	7.227	3.147	4.080	-	7.227	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi theo định mức	2.990	2.990	-	-	-	2.990	2.990	-	2.990	-	2.990	-	-	-	-	-	-	-
Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ/TW	157	157	-	-	-	157	157	-	157	-	157	-	-	-	-	-	-	-
Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-	-	-	120	120	-	120	-	120	-	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chỉ kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)	400	400	-	-	-	400	400	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá hoá quy chế dân chủ, học tập làm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập	100	100	-	-	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
Hoạt động của Hội Cựu chiến binh	70	70	-	-	-	70	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-	-	-	70	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
Hoạt động của Công đoàn viên chức	70	70	-	-	-	70	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng uỷ khởi.	200	200	-	-	-	200	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-
Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo... trình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ	100	100	-	-	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-	-	-	70	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-	-	-	80	80	-	80	-	80	-	-	-	-	-	-	-
Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chỉ đáng bộ cơ sở + Tổ chức hội nghị báo cáo viên giới năm 2017.	200	200	-	-	-	200	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ V (Khẩn kỳ 2017-2022).	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																			
Chi cân đối ngân sách																			
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																			
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Thị trấn	Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	Chi đầu tư mua sắm tài sản	Chi từ nguồn ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	ĐTTT	PTT	
									Định mức	Nhiệm vụ									
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khởi lần thứ IX (Nhiệm kỳ 2017-2022).	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Công đoàn viên chức (Nhiệm kỳ 2017-2022).	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng kho lưu trữ.	1.500	1.500	-	-	-	-	1.500	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
93	Đang dự khởi doanh nghiệp	6.974	6.974	-	-	-	-	6.974	4.374	2.600	-	6.974	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	2.990	2.990	-	-	-	-	2.990	-	-	-	2.990	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp cấp ủy theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc	1.384	1.384	-	-	-	-	1.384	1.384	-	-	1.384	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-	-	-	-	120	-	120	-	120	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các tập cận tình đảng và lớp Đảng viên mới ... chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).	400	400	-	-	-	-	400	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập làm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xã hội hoá học tập, Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng trong Doanh nghiệp	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	70	70	-	-	-	-	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-	-	-	-	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và đảng bộ khởi	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo ... trình BCH, BTV theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh ủy	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-	-	-	-	70	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-	-
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12-QĐ-TU	80	80	-	-	-	-	80	-	80	-	80	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	160	160	-	-	-	-	160	-	160	-	160	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	240	240	-	-	-	-	240	-	240	-	240	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khởi lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	280	280	-	-	-	-	280	-	280	-	280	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ khởi doanh nghiệp.	250	250	-	-	-	-	250	-	250	-	250	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức hội nghị Người Việt Nam ưu tiên đóng hàng Việt Nam (30 triệu), tổ chức hội nghị đối thoại giữa Doanh nghiệp với Lãnh đạo UBND tỉnh (30 triệu).	60	60	-	-	-	-	60	-	60	-	60	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-
94	Ban Bảo vệ sức khỏe	9.144	9.144	-	-	-	-	9.144	4.594	4.550	-	-	-	-	-	-	-	9.144	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư nguồn thu ngân sách địa phương	Chi từ nguồn khác		Định mức	Nhiệm vụ				
Chi định mức	1.300	1.300	-	-	-	-	1.300	1.300	-	-	-	-	1.300
Chi định mức sự nghiệp	3.250	3.250	-	-	-	-	3.250	3.250	-	-	-	-	3.250
Chi khám sức khỏe định kỳ	600	600	-	-	-	-	600	600	600	-	-	-	600
Món giáo sư hội chẩn	650	650	-	-	-	-	650	650	650	-	-	-	650
Chi trợ cấp thường xuyên đối với Cán bộ nguyên UVTU đang khóa II,III và cán bộ hoạt động Cách mạng trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo	44	44	-	-	-	-	44	44	-	-	-	-	44
Sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị	2.000	2.000	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	2.000
Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-	-	-	-	300	300	300	-	-	-	300
Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc, khám chữa bệnh	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	1.000	1.000	-	-	-	1.000
Tình đoàn thanh niên	7.564	7.564	-	-	-	-	7.564	4.514	3.050	-	-	7.564	-
Chi định mức	4.514	4.514	-	-	-	-	4.514	4.514	-	-	-	4.514	-
Kinh phí lập luận nghiệp vụ, tài liệu tuyên truyền	500	500	-	-	-	-	500	500	500	-	-	500	-
Kinh phí mua bảo Tuyến phòng + tạp chí Thanh niên	200	200	-	-	-	-	200	200	200	-	-	200	-
Kinh phí tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các hoạt động trong thanh niên	800	800	-	-	-	-	800	800	800	-	-	800	-
Chi hoạt động nghiệp vụ khác	450	450	-	-	-	-	450	450	450	-	-	450	-
Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tình nguyện Phú Thọ	100	100	-	-	-	-	100	100	100	-	-	100	-
Kinh phí tổ chức Đại hội Đoàn TNCSHCM tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2017-2022	500	500	-	-	-	-	500	500	500	-	-	500	-
Kinh phí thực hiện Kế hoạch 3965/KH-UBND tỉnh 18/9/2014 về Đoàn thanh niên tham gia đảm bảo trật tự ATGT - giai đoạn 2014-2017; Kế hoạch 3966/KH-UBND 18/9/2014 về Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.	200	200	-	-	-	-	200	200	200	-	-	200	-
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	300	300	-	-	300	-
Hội liên hiệp thanh niên	982	982	-	-	-	-	982	982	982	-	-	982	-
Chi định mức	732	732	-	-	-	-	732	732	732	-	-	732	-
Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí số kết quả nhiệm kỳ; tổ chức các hoạt động chào mừng Đại hội đoàn các cấp và tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức).	250	250	-	-	-	-	250	250	250	-	-	250	-
Trung tâm hoạt động Thanh niên tỉnh Hưng Vương	1.776	1.776	-	-	-	-	1.776	976	800	-	-	1.776	-
Chi định mức	976	976	-	-	-	-	976	976	976	-	-	976	-
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	200	200	-	-	-	-	200	200	200	-	-	200	-
Kinh phí thực hiện chương trình ngày hội thanh niên đăc rồ; Tham gia chương trình hoạt động của Trung ương đoàn; Tham gia liên hoan văn hóa, văn nghệ các trung tâm khu vực phía Bắc; Tổ chức hội nghị lãnh đạo các trung tâm và nhà văn hóa Thanh niên khu vực phía Bắc tại Phú Thọ theo chương trình của Trung tâm Thanh niên trung ương.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cân đối ngân sách																	
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TD/TT	PT
				Chi đầu tư theo ngành	Chi đầu tư theo ngành			Định mức	Nghề vụ								
-	Kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ đoàn, đối, hội.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Chi tổ chức các hoạt động nghiệp vụ	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
98	Nhà thiếu nhi	3.136	3.136	-	-	-	3.136	1.586	1.550	-	-	3.136	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.836	1.836	-	-	-	1.836	1.586	250	-	-	1.836	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và tập huấn	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan, Trưng bái, Liên hoan nghệ thuật, thi đấu các tỉnh, thành phố, tham gia các giải thể thao...)	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	10.325	10.325	-	-	-	10.325	3.841	6.484	-	-	10.325	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	3.416	3.416	-	-	-	3.416	3.416	-	-	-	3.416	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức sự nghiệp	425	425	-	-	-	425	425	-	-	-	425	-	-	-	-	-
-	Tổ chức "Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững"	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện đề án 343 "Tuyên truyền giáo dục, phân chia, đào tạo lực lượng nữ Việt Nam thời kỳ đầy mạnh mẽ, quyết liệt" ; Đề án "Giáo dục 5 trên bà mẹ mới, dạy con tốt" + Hội nghị sơ kết, tổng kết...	800	800	-	-	-	800	-	800	-	-	800	-	-	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản (có 300 triệu mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm phụ nữ)	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí cho "Quy hoạch và phát triển nghề" (phần chi tạo, nâng cấp công trình phụ trợ)	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	-	-	-	-
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ trợ	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	1.000	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đoàn đại biểu phụ nữ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc T3/2017 + Tuyên truyền tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam, tỉnh, điều lệ hội; Tổng kết 10 năm Nghị quyết 11/NQ-TW, sơ kết 5 năm ND 56/2012/NĐ-CP...	600	600	-	-	-	600	-	600	-	-	600	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tham gia cuộc thi do Trung ương hội chi đạo "Độc đáo công tác hội"; "Sáng tác biểu trưng về nông thôn mới"	150	150	-	-	-	150	-	150	-	-	150	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027"; Đề án "Tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới"	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	100	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cần đối ngân sách																	
T	Tên đơn vị	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
				Chi đầu tư từ nguồn thu trung tập	Chi đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ									
	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội Liên hiệp phụ nữ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	134	134	-	-	134	-	134	-	-	134	-	-	-	-	-	-
0	Mặt trận tổ quốc	8.534	8.534	-	-	8.534	3.884	4.650	-	-	8.534	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	3.782	3.782	-	-	3.782	3.782	-	-	-	3.782	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII + Tập huấn triển khai Luật MTQT Việt Nam (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành.	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014	252	252	-	-	252	102	150	-	-	252	-	-	-	-	-	-
	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật: tổ chức thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XD nông thôn mới, đô thị văn minh"; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức năm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và công tác tham gia xây dựng chính sách pháp luật; triển khai thực hiện quy chế dân chủ; hoạt động thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư công cộng và các hoạt động khác.	700	700	-	-	700	-	700	-	-	700	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở, ban ngành	700	700	-	-	700	-	700	-	-	700	-	-	-	-	-	-
	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận:Triển khai cuộc vận động "người Việt nam dùng hàng Việt Nam";	500	500	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban đoàn kết công giáo tỉnh	600	600	-	-	600	-	600	-	-	600	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí gặp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đón tiếp thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: Các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số ... (theo QĐ số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng CP).	500	500	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-
	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi ngân sách cấp tỉnh				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi ngân sách cấp tỉnh			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PT
			Tổng cộng	Chi ngân sách cấp tỉnh	Chi ngân sách cấp tỉnh		Định mức	Nhiệm vụ								
	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trong công tác triển khai "Phường đường bà mẹ Việt Nam anh hùng"	150	150	-	-	150	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác	550	550	-	-	550	-	550	-	-	-	-	-	-	-	-
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1.509	1.509	-	-	1.509	684	825	-	-	1.509	-	-	-	-	-
	Chi định mức	684	684	-	-	684	-	-	-	-	684	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng /1 hội)	225	225	-	-	225	-	225	-	-	225	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền, vận động vận trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác	400	400	-	-	400	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
102	Hội nông dân	7.467	7.467	-	-	7.467	3.997	3.870	-	-	7.467	-	-	-	-	-
	Chi định mức	3.172	3.172	-	-	3.172	3.172	-	-	3.172	-	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm)	425	425	-	-	425	425	-	-	425	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh uỷ về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân bổ xã hội	400	400	-	-	400	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, Ban chỉ đạo triển khai kế hoạch 61 và quyết định 673 cấp tỉnh	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức Hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị do TW tổ chức	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội	50	50	-	-	50	-	50	-	-	50	-	-	-	-	-
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
	Quy hỗ trợ nông dân	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	-	-	-	-
	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp	220	220	-	-	220	-	220	-	-	220	-	-	-	-	-
	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
103	Hội cựu chiến binh	3.058	3.058	-	-	3.058	1.708	1.350	-	-	3.058	-	-	-	-	-
	Chi định mức	1.708	1.708	-	-	1.708	1.708	-	-	1.708	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cần đối ngân sách																	
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
			Chi đầu tư từ nguồn thu trung tâm	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ khác	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ									
Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức	150	-				150					150	-					
Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022	500	-				500					500	-					
Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	200	-				200					200	-					
4 Liên minh HTX	5.837	-				5.837	1.824	4.013			5.824	213					
Chi định mức	1.824	-				1.824	1.824	-			1.824	-					
Hỗ trợ chi nghiệp vụ	200	-				200		200			200	-					
Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể	100	-				100		100			100	-					
Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể	100	-				100		100			100	-					
Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển lợi ích xã	2.000	-				2.000		2.000			2.000	-					
Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định 2277/2008/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác trên địa bàn tỉnh	100	-				100		100			100	-					
Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn + Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rộng...	500	-				500		500			500	-					
Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng; hỗ trợ học phí học viên HTX học cao đẳng, đại học	213	-				213		213			213	-					
Chi hỗ trợ triển khai 4 Đề án của Liên minh HTX; Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 56/KL-TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể	500	-				500		500			500	-					
Kinh phí mua sắm + sửa chữa tài sản	300	-				300		300			300	-					
15 Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ kinh tế tập thể	466	-				466	366	100			466	-					
Chi định mức + nghiệp vụ	466	-				466	366	100			466	-					
Hội chữ thập đỏ	2.768	-				2.768	1.710	1.058			2.768	-					
Chi định mức biên chế	1.482	-				1.482	1.482	-			1.482	-					
Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiện màu nhân đạo	228	-				228	228	-			228	-					
Chi nghiệp vụ	200	-				200	-	200			200	-					
Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiện màu nhân đạo tỉnh	200	-				200	-	200			200	-					
Chi trả nhuận bút, xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền, hoạt động nhân đạo ...	158	-				158	-	158			158	-					
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-				300		300			300	-					
Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiện màu nhân đạo	200	-				200		200			200	-					
17 Ban đại diện Hội người cao tuổi	914	-				914	414	500			914	-					
Chi định mức biên chế	342	-				342	342	-			342	-					
Chi trả thù lao trưởng ban, phó ban	72	-				72	72	-			72	-					
Chi hoạt động của Ban đại diện	200	-				200		200			200	-					

Chi cân đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi ngân sách																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Bảo gồm		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
			Tổng cộng	Chi đầu tư XD CB	Chi đầu tư XD CB	Chi đầu tư XD CB	Định mức	Nghị quyết	QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT	
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản, thiết bị	100	100	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
108	Trung tâm hội nghị tỉnh	1.724	1.724	-	-	1.724	1.724	500	-	-	1.724	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.224	1.224	-	-	1.224	1.224	-	-	1.224	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm trang thiết bị	500	500	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	5.056	5.056	-	-	5.056	1.596	3.460	-	-	4.136	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.596	1.596	-	-	1.596	1.596	-	-	1.596	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tư vấn, phân tích và giám định xã hội các nhiệm vụ tình báo	500	500	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ hoạt động và khuyến khích cho 19 hội thành viên (Hỗ trợ hoạt động 25 triệu đồng / 1 hội; khuyến khích các hội 55 triệu đồng)	530	530	-	-	530	-	530	-	-	530	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tập hợp đội ngũ trí thức có trình độ cao quê hương xây dựng các chương trình đồng góp cho tỉnh	200	200	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-
-	Chi duy trì, phát triển trang Website "TrithucDaTo.vn" của Liên hiệp hội	50	50	-	-	50	-	50	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ + Nghiệp vụ	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và người dân	280	280	-	-	280	-	280	-	-	280	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật)	900	900	-	-	900	-	900	-	-	900	-	-	-	-	-	-
-	Chi tổ chức Đại hội Hội liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh lần thứ III, giai đoạn 2017-2022	400	400	-	-	400	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-
110	Hội Cựu thành niên xung phong tỉnh Phú Thọ	230	230	-	-	230	130	100	-	-	230	-	-	-	-	-	-
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ	245	245	-	-	245	195	50	-	-	245	-	-	-	-	-	-
112	Hội người mù	360	360	-	-	360	260	100	-	-	360	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức và nghiệp vụ	360	360	-	-	360	260	100	-	-	360	-	-	-	-	-	-
113	Hội luật gia	180	180	-	-	180	130	50	-	-	180	-	-	-	-	-	-
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	180	180	-	-	180	130	50	-	-	180	-	-	-	-	-	-
115	Hội sinh vật cảnh và lâm viên	524	524	-	-	524	374	150	-	-	524	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức và nghiệp vụ	524	524	-	-	524	374	150	-	-	524	-	-	-	-	-	-
116	Sở Giáo dục và đào tạo	58.135	58.135	-	-	58.135	5.986	52.149	-	-	58.135	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	5.936	5.936	-	-	5.936	3.936	-	-	5.936	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng công chức thành tra và trang phục thành tra	100	100	-	-	100	50	50	-	-	100	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ	330	330	-	-	330	-	330	-	-	330	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
			Chi đầu tư XDCB từ lập trung	Chi đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bù chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghị quyết vụ									
Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu để tài khoa học cấp ngành; chi mua phối băng tốt nghiệp; chi biên soạn tài liệu; trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ các kỳ thi và công tác chuyên môn...).	15.869	15.869	-	-	-	15.869	-	15.869	-	-	-	15.869	-	-	-	-	-
Chi mua sắm thiết bị phòng học bộ môn vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ cho các trường trung học xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia	6.000	6.000	-	-	-	6.000	-	6.000	-	-	-	6.000	-	-	-	-	-
Chi học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục phổ thông theo kế hoạch 3132/KH-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh, giai đoạn 2011-2020.	6.000	6.000	-	-	-	6.000	-	6.000	-	-	-	6.000	-	-	-	-	-
Chi ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý thư viện; nâng cấp, xây dựng, kết nối hệ thống thông tin quản lý trường học và các hoạt động giáo dục...	3.700	3.700	-	-	-	3.700	-	3.700	-	-	-	3.700	-	-	-	-	-
Chi mua thiết bị, đồ chơi ngoại trời cho các trường mầm non và bổ sung thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì phổ cập và chương trình giáo dục mầm non mới.	9.500	9.500	-	-	-	9.500	-	9.500	-	-	-	9.500	-	-	-	-	-
Chi khác giáo dục	5.000	5.000	-	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	5.000	-	-	-	-	-
Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành	3.500	3.500	-	-	-	3.500	-	3.500	-	-	-	3.500	-	-	-	-	-
Khoản các trường Trung học phổ thông	345.166	345.166	-	-	-	345.166	-	282.962	-	-	-	62.203	-	-	-	-	-
Trường THPT Thanh Sơn	10.122	10.122	-	-	-	10.122	-	7.944	-	-	-	2.178	-	-	-	-	-
Chi định mức	9.122	9.122	-	-	-	9.122	-	7.944	-	-	-	1.178	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
Trường THPT Minh Đại	9.527	9.527	-	-	-	9.527	-	7.241	-	-	-	2.286	-	-	-	-	-
Chi định mức	8.027	8.027	-	-	-	8.027	-	7.241	-	-	-	786	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-	-	1.500	-	-	-	-	-
Trường THPT Văn Miếu	8.588	8.588	-	-	-	8.588	-	6.434	-	-	-	2.134	-	-	-	-	-
Chi định mức	7.088	7.088	-	-	-	7.088	-	6.434	-	-	-	634	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-	-	1.500	-	-	-	-	-
Trường THPT Hương Cẩn	8.847	8.847	-	-	-	8.847	-	7.051	-	-	-	1.796	-	-	-	-	-
Chi định mức	7.847	7.847	-	-	-	7.847	-	7.051	-	-	-	796	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
Trường THPT Thạch Kiệt	8.488	8.488	-	-	-	8.488	-	6.676	-	-	-	1.813	-	-	-	-	-
Chi định mức	7.488	7.488	-	-	-	7.488	-	6.676	-	-	-	813	-	-	-	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
Trường THPT Yên Láp	11.120	11.120	-	-	-	11.120	-	9.295	-	-	-	1.825	-	-	-	-	-

Chỉ cần đổi ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

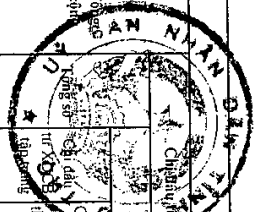
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng		Bao gồm		QLNN	Dạng	Đơn vị	Giao dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
				Dinh mức	Nghề vụ							
	Chi định mức	10.120	10.120	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà loại học 02 tầng 10 phòng học	1.000	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-
	Trường THPT Minh Hoà	6.293	6.293	4.372	1.922	-	-	-	6.293	-	-	-
	Chi định mức	4.793	4.793	4.372	422	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-
	Trường THPT Lương Sơn	8.149	8.149	6.461	1.688	-	-	-	8.149	-	-	-
	Chi định mức	7.149	7.149	6.461	688	-	-	-	7.149	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-
	Trường THPT Cẩm Khê	8.173	8.173	6.602	1.571	-	-	-	8.173	-	-	-
	Chi định mức	7.673	7.673	6.602	1.071	-	-	-	7.673	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	500	500	-	-	-	500	-	-	-
	Trường THPT Hiền Đa	6.502	6.502	5.225	1.277	-	-	-	6.502	-	-	-
	Chi định mức	6.002	6.002	5.225	777	-	-	-	6.002	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà công vụ	500	500	500	500	-	-	-	500	-	-	-
	Trường THPT Phương Xá	7.392	7.392	6.032	1.340	-	-	-	7.392	-	-	-
	Chi định mức	6.992	6.992	6.032	940	-	-	-	6.992	-	-	-
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường	400	400	-	-	-	-	-	400	-	-	-
	Trường THPT Hà Hoà	6.731	6.731	5.315	1.417	-	-	-	6.731	-	-	-
	Chi định mức	6.031	6.031	5.315	717	-	-	-	6.031	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	700	700	-	-	-	700	-	-	-
	Trường THPT Xuân ánh	5.390	5.390	4.281	1.109	-	-	-	5.390	-	-	-
	Chi định mức	4.990	4.990	4.281	709	-	-	-	4.990	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	5.526	5.526	4.414	1.112	-	-	-	5.526	-	-	-
	Trường THPT Vĩnh Chân	5.126	5.126	4.414	712	-	-	-	5.126	-	-	-
	Chi định mức	400	400	400	400	-	-	-	400	-	-	-
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường	8.600	8.600	6.833	1.767	-	-	-	8.600	-	-	-
	Trường THPT Thanh Ba	7.900	7.900	6.833	1.067	-	-	-	7.900	-	-	-
	Chi định mức	7.900	7.900	6.833	700	-	-	-	7.900	-	-	-
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà loại học hai tầng 10 phòng học	7.393	7.393	6.298	1.095	-	-	-	7.393	-	-	-
	Trường THPT Yên Khê	6.893	6.893	6.298	595	-	-	-	6.893	-	-	-
	Chi định mức	500	500	500	500	-	-	-	500	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, nhà xe	7.127	7.127	5.838	1.288	-	-	-	7.127	-	-	-
	Trường THPT Đoàn Hùng	6.727	6.727	5.838	888	-	-	-	6.727	-	-	-
	Chi định mức	400	400	400	400	-	-	-	400	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	6.015	6.015	4.751	1.264	-	-	-	6.015	-	-	-
	Trường THPT Chân Móng	5.515	5.515	4.751	764	-	-	-	5.515	-	-	-
	Chi định mức	500	500	500	500	-	-	-	500	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	5.372	5.372	4.323	1.050	-	-	-	5.372	-	-	-
	Trường THPT Quê Lân	4.972	4.972	4.323	650	-	-	-	4.972	-	-	-
	Chi định mức	400	400	400	400	-	-	-	400	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	7.136	7.136	5.919	1.217	-	-	-	7.136	-	-	-
	Trường THPT Thanh Thủy	7.136	7.136	5.919	1.217	-	-	-	7.136	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Tên đơn vị	Chi cần đối ngân sách												
	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
	Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá
			Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệp vụ						
Chi định mức	6.836	-			6.836	5.919	917				6.836		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-			300	-	300				300		
Trường THPT Trưng Nghĩa	5.440	-			5.440	4.467	973				5.440		
Chi định mức	5.140	-			5.140	4.467	673				5.140		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-			300	-	300				300		
Trường THPT Phú Ninh	7.429	-			7.429	6.276	1.154				7.429		
Chi định mức	7.129	-			7.129	6.276	854				7.129		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-			300	-	300				300		
Trường THPT Từ Đà	5.894	-			5.894	4.883	1.011				5.894		
Chi định mức	5.494	-			5.494	4.883	611				5.494		
Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa công, hàng rào của trường	400	-			400	-	400				400		
Trường THPT Trưng Giáp	5.713	-			5.713	4.584	1.129				5.713		
Chi định mức	5.213	-			5.213	4.584	629				5.213		
Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu 8A	500	-			500	-	500				500		
Trường THPT Long Chiát Sa	8.944	-			8.944	7.398	1.546				8.944		
Chi định mức	8.444	-			8.444	7.398	1.046				8.444		
Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng	500	-			500	-	500				500		
Trường THPT Phong Châu	9.205	-			9.205	7.773	1.432				9.205		
Chi định mức	8.805	-			8.805	7.773	1.032				8.805		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	-			400	-	400				400		
Trường THPT Mỹ Văn	6.806	-			6.806	5.791	1.015				6.806		
Chi định mức	6.506	-			6.506	5.791	715				6.506		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-			300	-	300				300		
Trường THPT Tam Nông	7.269	-			7.269	5.927	1.342				7.269		
Chi định mức	6.769	-			6.769	5.927	842				6.769		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	-			500	-	500				500		
Trường THPT Hùng hoá	4.888	-			4.888	3.894	994				4.888		
Chi định mức	4.488	-			4.488	3.894	594				4.488		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	-			400	-	400				400		
Trường THPT Hùng Vương	9.826	-			9.826	8.001	1.825				9.826		
Chi định mức	8.826	-			8.826	8.001	825				8.826		
Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường	1.000	-			1.000	-	1.000				1.000		
Trường THPT Việt Trì	10.463	-			10.463	9.133	1.330				10.463		
Chi định mức	9.963	-			9.963	9.133	830				9.963		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	-			500	-	500				500		
Trường THPT CN Việt Trì	7.564	-			7.564	6.692	872				7.564		
Chi định mức	7.264	-			7.264	6.692	572				7.264		
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-			300	-	300				300		
Trường THPT KT Việt Trì	6.450	-			6.450	5.619	831				6.450		
Chi định mức	6.150	-			6.150	5.619	531				6.150		

Chi cần đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT
							Định mức	Nhiệm vụ								
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	300	16.933	3.077	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	20.010	20.010	-	-	20.010	16.933	2.077	-	-	-	20.010	-	-	-	-
-	Chi định mức	19.010	19.010	-	-	19.010	16.933	1.000	-	-	-	19.010	-	-	-	-
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
-	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	17.844	17.844	-	-	17.844	15.957	1.887	-	-	-	17.844	-	-	-	-
-	Chi định mức	17.144	17.144	-	-	17.144	15.957	1.187	-	-	-	17.144	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội Trú Thuận Sơn	14.188	14.188	-	-	14.188	12.545	1.643	-	-	-	14.188	-	-	-	-
-	Chi định mức	13.488	13.488	-	-	13.488	12.545	943	-	-	-	13.488	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	9.898	9.898	-	-	9.898	8.491	1.407	-	-	-	9.898	-	-	-	-
-	Chi định mức	9.198	9.198	-	-	9.198	8.491	707	-	-	-	9.198	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú Đoan Hùng	8.970	8.970	-	-	8.970	7.717	1.253	-	-	-	8.970	-	-	-	-
-	Chi định mức	8.270	8.270	-	-	8.270	7.717	553	-	-	-	8.270	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	9.900	9.900	-	-	9.900	8.586	1.314	-	-	-	9.900	-	-	-	-
-	Chi định mức	9.200	9.200	-	-	9.200	8.586	614	-	-	-	9.200	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
-	Trung tâm KT-TT-HN tỉnh	5.420	5.420	-	-	5.420	4.161	1.259	-	-	-	5.420	-	-	-	-
-	Chi định mức	4.920	4.920	-	-	4.920	4.161	759	-	-	-	4.920	-	-	-	-
-	Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
-	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	6.521	6.521	-	-	6.521	4.322	2.199	-	-	-	6.521	-	-	-	-
-	Chi định mức	5.085	5.085	-	-	5.085	4.322	763	-	-	-	5.085	-	-	-	-
-	Chi các loại đào tạo, bồi dưỡng	937	937	-	-	937	-	937	-	-	-	937	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
-	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	4.031	4.031	-	-	4.031	2.469	1.562	-	-	-	4.031	-	-	-	-
-	Chi định mức	2.905	2.905	-	-	2.905	2.469	436	-	-	-	2.905	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Chi các loại đào tạo, bồi dưỡng	826	826	-	-	826	-	826	-	-	-	826	-	-	-	-
-	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	6.346	6.346	-	-	6.346	3.782	2.563	-	-	-	6.346	-	-	-	-
-	Chi định mức	5.546	5.546	-	-	5.546	3.782	1.765	-	-	-	5.546	-	-	-	-
-	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Chi tư vấn tuyển sinh: 100 triệu; xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập: 100 triệu	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	8.043	8.043	-	-	8.043	6.792	1.251	-	-	-	8.043	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	7.643	7.643	-	-	7.643	6.792	851	-	-	-	7.643	-	-	-	-
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	100	100	-	-	100	-	100	-	-	-	100	-	-	-	-



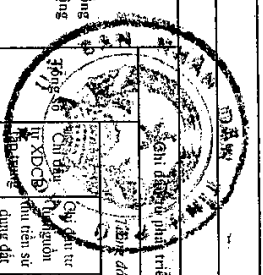
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Tên đơn vị		Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDIT	PTTH	
				Chi đầu tư XDCB từ tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức									Nhiệm vụ
9	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	-	-	-	300	3.407	7.049	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Trung tâm giáo dục thường xuyên: Tỉnh	10.456	10.456	-	-	10.456	3.407	7.049	-	-	-	10.456	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức	9.656	9.656	-	-	9.656	3.407	6.249	-	-	-	9.656	-	-	-	-	-
	Chi từ vốn đào tạo và tuyển sinh	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Chi từ vốn đào tạo và tuyển sinh	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	500	-	-	-	-	-
0	Mua sắm, sửa chữa tài sản	10.713	10.713	-	-	10.713	7.590	3.124	-	-	-	10.713	-	-	-	-	-
	Trường chính trị tỉnh	9.203	9.203	-	-	9.203	7.079	2.124	-	-	-	9.203	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức	510	-	-	-	510	-	-	-	-	-	510	-	-	-	-	-
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy																
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu; kỷ niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu	1.000	1.000	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
1	Trường Đại học Hùng vương	78.502	78.502	-	-	78.502	38.168	40.334	-	-	-	78.502	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức + phần bổ học sinh	49.198	49.198	-	-	49.198	31.496	17.702	-	-	-	49.198	-	-	-	-	-
	Đào tạo 80 sinh viên Lào	5.772	5.772	-	-	5.772	-	-	-	-	-	5.772	-	-	-	-	-
	Chi học bổng cho học sinh sư phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)	700	700	-	-	700	-	-	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TT LT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH	900	900	-	-	900	900	-	-	-	-	900	-	-	-	-	-
	Chi đào tạo theo học tin chỉ và kiểm định chất lượng	3.500	3.500	-	-	3.500	-	3.500	-	-	-	3.500	-	-	-	-	-
	Phần bổ thêm theo khu vực	9.633	9.633	-	-	9.633	-	9.633	-	-	-	9.633	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên	800	800	-	-	800	-	800	-	-	-	800	-	-	-	-	-
	Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển hóa học	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
	Chi cải tạo sửa chữa nhà Trung tâm hành chính hữu bộ	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-
2	Trường cao đẳng y tế	18.733	18.733	-	-	18.733	9.803	8.929	-	-	-	18.733	-	-	-	-	-
	Chi định mức + phần bổ học sinh	15.233	15.233	-	-	15.233	9.803	5.429	-	-	-	15.233	-	-	-	-	-
	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên	1.500	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-	-
3	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ	5.340	5.340	-	-	5.340	3.649	1.692	-	-	-	5.340	-	-	-	-	-
	Chi định mức + phần bổ học sinh	4.324	4.324	-	-	4.324	3.333	792	-	-	-	4.324	-	-	-	-	-
	Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghề thuộc chuyên ngành (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)	116	116	-	-	116	116	-	-	-	-	116	-	-	-	-	-
	Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn Hát Xon, ...	400	400	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017																
Chi chi trả đối ngân sách																
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển		Tổng số	Bao gồm		QUẢN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y T	Văn hoá	TDTT	PT
				Chi đầu tư XDCC	Chi đầu tư khác		Dinh m	Nhiệp vụ								
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm thiết bị	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ	18.206	18.206	-	-	18.206	8.354	9.852	-	-	-	18.206	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	15.106	15.106	-	-	15.106	8.354	6.752	-	-	-	15.106	-	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	1.600	1.600	-	-	1.600	-	1.600	-	-	-	1.600	-	-	-	-
125	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	4.962	4.962	-	-	4.962	2.934	2.028	-	-	-	4.962	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	4.462	4.462	-	-	4.462	2.934	1.528	-	-	-	4.462	-	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	4.032	4.032	-	-	4.032	1.800	2.232	-	-	-	2.732	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	2.232	2.232	-	-	2.232	1.800	432	-	-	-	2.232	-	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
-	Hỗ trợ tổ chức sản giao dịch việc làm	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm	1.383	1.383	-	-	1.383	510	873	-	-	-	1.383	-	-	-	-
-	Thành niên	1.183	1.183	-	-	1.183	510	673	-	-	-	1.183	-	-	-	-
-	Chi định mức + phần bổ học sinh	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-
128	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	4.895	4.895	-	-	4.895	3.564	1.332	-	-	-	4.895	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	3.092	3.092	-	-	3.092	2.461	632	-	-	-	3.092	-	-	-	-
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề	1.103	1.103	-	-	1.103	1.103	-	-	-	-	1.103	-	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 500 triệu	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
129	Trường năng khiếu Thể dục thể thao	13.141	13.141	-	-	13.141	11.592	1.549	-	-	-	13.141	-	-	-	-
-	Chi định mức + phần bổ học sinh	3.691	3.691	-	-	3.691	2.642	1.049	-	-	-	3.691	-	-	-	-
-	Trên ăn + trên công + dụng cụ tập luyện	8.800	8.800	-	-	8.800	8.800	-	-	-	-	8.800	-	-	-	-
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc	150	150	-	-	150	-	150	-	-	-	150	-	-	-	-
130	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
131	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú Thọ	400	400	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
132	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân	485	485	-	-	485	-	485	-	-	-	485	-	-	-	-
133	Trường trung cấp nghề HERMANGHEIMER	522	522	-	-	522	-	522	-	-	-	522	-	-	-	-
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh	509	509	-	-	509	-	509	-	-	-	509	-	-	-	-
135	Hội khuyến học	760	760	-	-	760	-	760	-	-	-	760	-	-	-	-
136	Số Y tế	425	425	-	-	425	325	100	-	-	-	425	-	-	-	-
-	Chi định mức	28.228	28.228	-	-	28.228	4.068	24.160	-	-	-	28.228	-	-	-	-
-	Chi định mức	4.068	4.068	-	-	4.068	4.068	-	-	-	-	4.068	-	-	-	-

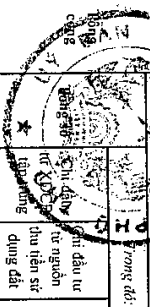


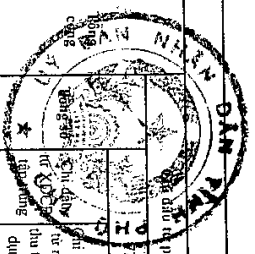
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							PTTH
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế
			Chi đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương	Chi đầu tư từ nguồn thu trên sử dụng đất	Chi từ nguồn vốn khác		Định mức	Nhiệm vụ					
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 1220/4/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	-				60	30	30				-	60
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	-				500		500				-	500
Nhiệm vụ ngành (có 300 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đồng Bắc bộ và Đồng bằng Sông Hồng; 130 triệu kinh phí đối ứng thực hiện Dự án An ninh y tế khu vực tiền vùng Sông Mê Công mở rộng).	6.700	-				6.700		6.700				-	6.700
Phòng chống dịch	4.000	-				4.000		4.000				-	4.000
Đào tạo bác sỹ và sau đại học	2.000	-				2.000		2.000				-	2.000
Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất methadon.	2.000	-				2.000		2.000				-	2.000
Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.	1.900	-				1.900		1.900				-	1.900
Chi ứng dụng công nghệ thông tin.	2.000	-				2.000		2.000				-	2.000
Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh	5.000	-				5.000		5.000				-	5.000
7 Bệnh viện đa khoa Tỉnh.	84.706	-				84.706		84.706				-	84.706
Chi định mức	76.500	-				76.500		76.500				-	76.500
Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013).	3.000	-				3.000		3.000				-	3.000
Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	5.206	-				5.206		5.206				-	5.206
8 Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ	10.660	-				10.660		10.660				-	10.660
Chi định mức	10.160	-				10.160		10.160				-	10.160
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	-				500		500				-	500
9 Bệnh viện Tâm thần	10.260	-				10.260		10.260				-	10.260
Chi định mức	10.260	-				10.260		10.260				-	10.260
10 Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng.	14.100	-				14.100		14.100				-	14.100
Chi định mức	13.600	-				13.600		13.600				-	13.600
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	-				500		500				-	500
11 Trung tâm y tế dự phòng	8.370	-				8.370		8.370				-	8.370
Chi định mức	7.870	-				7.870		7.870				-	7.870
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	-				500		500				-	500
2 Bệnh viện mắt	4.400	-				4.400		4.400				-	4.400
3 Trung tâm chẩn đoán sức khỏe sinh sản	3.390	-				3.390		3.390				-	3.390
4 Trung tâm kiểm nghiệm	3.610	-				3.610		3.610				-	3.610
Chi định mức	3.410	-				3.410		3.410				-	3.410
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	200	-				200		200				-	200
5 Trung tâm Giám định Y khoa (Có 500 triệu kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	2.260	-				2.260		2.260				-	2.260
6 Trung tâm Pháp y	2.060	-				2.060		2.060				-	2.060
Chi định mức	1.760	-				1.760		1.760				-	1.760

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng		Trong đó:	Chi từ nguồn bối chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoạn thả	Giao dịch, Đạo tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT
							Định mức	Nghị vụ								
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	300	-	-	-
147	Hội đồng Y	90	90	-	-	90	-	-	-	-	-	-	90	-	-	-
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	2.260	2.260	-	-	2.260	-	500	-	-	-	-	2.260	-	-	-
-	Chi định mức	1.760	1.760	-	-	1.760	-	-	-	-	-	-	1.760	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	500	-	300	-	-	-	-	500	-	-	-
149	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	4.210	4.210	-	-	4.210	-	800	-	-	-	-	4.210	-	-	-
-	Chi định mức	3.710	3.710	-	-	3.710	-	300	-	-	-	-	3.710	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-	-	-
150	Chi các an toàn vệ sinh thực phẩm	2.246	2.246	-	-	2.246	-	40	-	-	-	-	2.246	-	-	-
-	Chi định mức	2.166	2.166	-	-	2.166	-	-	-	-	-	-	2.166	-	-	-
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	80	80	-	-	80	-	40	-	-	-	-	80	-	-	-
151	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	17.649	17.649	-	-	17.649	-	-	-	-	-	-	17.649	-	-	-
152	Bệnh viện đa khoa Thanh Ba	13.341	13.341	-	-	13.341	-	1.000	-	-	-	-	13.341	-	-	-
-	Chi định mức	12.341	12.341	-	-	12.341	-	-	-	-	-	-	12.341	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	-	-	-
153	Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà	11.900	11.900	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-
154	Bệnh viện đa khoa Đoan Hùng	11.900	11.900	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-
155	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê	13.300	13.300	-	-	13.300	-	-	-	-	-	-	13.300	-	-	-
156	Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn	12.900	12.900	-	-	12.900	-	1.000	-	-	-	-	12.900	-	-	-
-	Chi định mức	11.900	11.900	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	-	-	-
157	Trung tâm Y tế Việt Trì	15.276	15.276	-	-	15.276	-	600	-	-	-	-	15.276	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm Y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất)	4.524	4.524	-	-	4.524	-	-	-	-	-	-	4.524	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn, phường	10.752	10.752	-	-	10.752	-	-	-	-	-	-	10.752	-	-	-
158	Trung tâm Y tế Phú Thọ	7.069	7.069	-	-	7.069	-	100	-	-	-	-	7.069	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm Y tế	2.825	2.825	-	-	2.825	-	100	-	-	-	-	2.825	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn, phường	4.244	4.244	-	-	4.244	-	-	-	-	-	-	4.244	-	-	-
159	Trung tâm Y tế Thanh Ba	19.275	19.275	-	-	19.275	-	100	-	-	-	-	19.275	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm Y tế	4.220	4.220	-	-	4.220	-	100	-	-	-	-	4.220	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	15.055	15.055	-	-	15.055	-	-	-	-	-	-	15.055	-	-	-
160	Trung tâm Y tế Hạ Hoà	21.105	21.105	-	-	21.105	-	100	-	-	-	-	21.105	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm Y tế	4.117	4.117	-	-	4.117	-	100	-	-	-	-	4.117	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	16.988	16.988	-	-	16.988	-	-	-	-	-	-	16.988	-	-	-
161	Trung tâm Y tế Đoan Hùng	20.285	20.285	-	-	20.285	-	100	-	-	-	-	20.285	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm Y tế	4.220	4.220	-	-	4.220	-	100	-	-	-	-	4.220	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	16.065	16.065	-	-	16.065	-	-	-	-	-	-	16.065	-	-	-
162	Trung tâm Y tế Tam Nông	22.921	22.921	-	-	22.921	-	600	-	-	-	-	22.921	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tăng số	Bảo gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề
				Chi đầu tư từ nguồn thu ngân sách địa phương	Chi đầu tư từ nguồn thu tài sản	Chi đầu tư từ XDCB tập trung		Định mức	Nhiếp vụ				
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.499	12.499	-				12.499	11.899	600				12.499
Y tế xã, thị trấn	10.422	10.422	-				10.422	10.422	-				10.422
Trung tâm Y tế Lâm Thao	19.034	19.034	-				19.034	18.434	600				19.034
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	11.879	11.879	-				11.879	11.279	600				11.879
Y tế xã, thị trấn	7.155	7.155	-				7.155	7.155	-				7.155
Trung tâm Y tế Phú Ninh	22.150	22.150	-				22.150	21.550	600				22.150
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.097	12.097	-				12.097	11.497	600				12.097
Y tế xã, thị trấn	10.053	10.053	-				10.053	10.053	-				10.053
Trung tâm Y tế Cẩm Khê	25.357	25.357	-				25.357	25.257	100				25.357
Chi định mức của trung tâm y tế	4.220	4.220	-				4.220	4.120	100				4.220
Y tế xã, thị trấn	21.137	21.137	-				21.137	21.137	-				21.137
Trung tâm Y tế Thanh Thủy	21.448	21.448	-				21.448	19.887	1.561				21.448
Trung tâm Y tế Thanh Thủy (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất và 961 triệu đồng thanh toán hàng mục kê đã, công, hàng rào, nhà cầu, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà thường trực Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy).	13.460	13.460	-				13.460	11.899	1.561				13.460
Y tế xã, thị trấn	7.988	7.988	-				7.988	7.988	-				7.988
Trung tâm Y tế Yên Lập	27.937	27.937	-				27.937	27.337	600				27.937
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.796	12.796	-				12.796	12.196	600				12.796
Y tế xã, thị trấn (Cổ y tế vùng cao)	15.141	15.141	-				15.141	15.141	-				15.141
Trung tâm Y tế Thanh Sơn	21.225	21.225	-				21.225	21.125	100				21.225
Chi định mức của Trung tâm y tế	4.580	4.580	-				4.580	4.480	100				4.580
Y tế xã, thị trấn (Cổ y tế vùng cao)	16.645	16.645	-				16.645	16.645	-				16.645
Trung tâm Y tế Tân Sơn	30.778	30.778	-				30.778	30.178	600				30.778
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	17.390	17.390	-				17.390	16.790	600				17.390
Y tế xã, thị trấn (Cổ y tế vùng cao)	13.388	13.388	-				13.388	13.388	-				13.388
Chi cục Dân số	3.173	3.173	-				3.173	3.173	800				3.173
Chi theo định mức biên chế	2.373	2.373	-				2.373	2.373	-				2.373
Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số	500	500	-				500	500	500				500
Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	300	300				300
Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	16.100	16.100	-				16.100	3.200	12.900				16.100
Định mức	3.200	3.200	-				3.200	3.200	-				3.200
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	300	300				300
Chi đào tạo, vận động viên thể thao thành tích cao	12.600	12.600	-				12.600	12.600	12.600				12.600
Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao	1.725	1.725	-				1.725	525	1.200				1.725

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

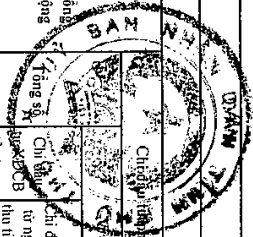
Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTT
				Chi đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước	Chi đầu tư khác		Định mức	Nhiệm vụ								
-	Chi định mức	525	525	-	-	525	525	-	-	-	-	-	-	-	525	-
-	Mua sắm tài sản, thiết bị	300	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	300	-
-	Chi kiến tạo, bảo trì gần nhà thi đấu, sân chơi thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát nước	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	500	-
-	Chi tiền điện, bảo vệ 3 công trình	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	200	-
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	200	-
123	Bãi truyền hình	28.209	28.209	-	-	28.209	15.199	13.010	-	-	-	-	-	-	-	28.20
-	Chi định mức	7.776	7.776	-	-	7.776	7.776	-	-	-	-	-	-	-	7.77	-
-	Chi tiền nhuận bút	7.423	7.423	-	-	7.423	7.423	-	-	-	-	-	-	-	7.42	-
-	Chi nâng cao chất lượng chương trình phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD.	3.500	3.500	-	-	3.500	-	3.500	-	-	-	-	-	-	3.50	-
-	Chi tiền điện, tiền nước, nhiên liệu, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.	2.900	2.900	-	-	2.900	-	2.900	-	-	-	-	-	-	2.90	-
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD).	4.400	4.400	-	-	4.400	-	4.400	-	-	-	-	-	-	4.40	-
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh "Giám đốc sở với cư trú"	210	210	-	-	210	-	210	-	-	-	-	-	-	21	-
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (Đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD).	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	2.00	-
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC	32.217	32.217	-	-	32.217	-	32.217	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch	7.217	7.217	-	-	7.217	-	7.217	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác	23.000	23.000	-	-	23.000	-	23.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp hồ công viên Văn Lang trong quần thể Khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì	7.000	7.000	-	-	7.000	-	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú, đoạn từ nút A7 đến nút giao với đường Hàn Thuyên, thành phố Việt Trì	13.000	13.000	-	-	13.000	-	13.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo hồ sinh thái tại khu vực hồ Đồng Thông thuộc phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì	3.000	3.000	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-
III	CHI AN NINH	11.235	11.235	-	-	11.235	-	11.235	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	CHI QUỐC PHÒNG	20.145	20.145	-	-	20.145	-	20.145	-	-	-	-	-	-	-	-
V	CHI HỒ TRỢ THỰC HIỆN LUẬT DOTA, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC	21.480	21.480	-	-	21.480	-	21.480	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	10.000	10.000	-	-	10.000	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO QUY ĐỊNH	1.235.712	1.235.712	-	-	1.235.712	-	1.235.712	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Kinh phí thi đua khen thưởng	8.000	8.000	-	-	8.000	-	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
		Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề				
				Chi đầu tư từ nguồn tập trung	Chi đầu tư từ nguồn địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên truyền ...)	1.500	1.500	-					1.500	1.500							
Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện khâu đột phá về Cải cách hành chính; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 19/9/2016.	3.000	3.000	-					3.000	3.000							
Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành	500	500	-					500	500							
Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)	200	200	-					200	200							
Kinh phí thông kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã theo công văn số 1812/CV-TU ngày 12/4/2010; Rà soát, khảo sát thông kê hộ, nhân khẩu theo chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 24/12/2009	100	100	-					100	100							
Chi sửa chữa, mua sắm phương tiện năm 2017	15.000	15.000	-					15.000	15.000							
Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn;	5.000	5.000	-					5.000	5.000							
Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước	4.000	4.000	-					4.000	4.000							
Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư	7.000	7.000	-					7.000	7.000							
Kinh phí đảm bảo hoạt động trật tự an toàn giao thông tỉnh: 2.516 triệu đồng (bao gồm: Ban ATGT tỉnh: 1.275 triệu đồng, trong đó đã bao gồm thu hồi tạm ứng kinh phí mua máy in năm 2016: 500 triệu đồng; Thanh tra giao thông tỉnh: 1.241 triệu đồng).	2.516	2.516	-					2.516	2.516							
Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo QĐ số 20/2016/QĐ-TTg.	5.000	5.000	-					5.000	5.000							
Hỗ trợ thiết bị và duy trì hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabinis) ngành tài chính.	1.000	1.000	-					1.000	1.000							
Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của TTCP.	600	600	-					600	600							
Kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.	800	800	-					800	800							
Kinh phí đối ứng các dự án cơ sở chính chất sự nghiệp	7.000	7.000	-					7.000	7.000							

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cấp phát triển			Tổng số	Bảo gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT
			Tổng cộng	Chi đầu tư từ nguồn tài sản đất đai	Chi từ ngân sách địa phương		Định mức	Nghề vụ								
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án an ninh biên, biên đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội nhân dân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.	500	500	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-
21	Kinh phí thực hiện chỉnh sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).	1.758	1.758	-	-	1.758	1.758	-	1.758	-	-	-	-	-	-	-
22	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bản báo Phú Thọ	1.320	1.320	-	-	1.320	1.320	-	1.320	-	1.320	-	-	-	-	-
23	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTU	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX	320	320	-	-	320	320	-	320	-	320	-	-	-	-	-
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật	500	500	-	-	500	500	-	500	-	500	-	-	-	-	-
28	Kinh phí tổ chức đào tạo văn phòng viên.	3.500	3.500	-	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	-	-	-	-	-
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg; KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 29/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập GD 2016-2020).	1.000	1.000	-	-	1.000	1.000	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia, mức dự kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường; 18 trường THCS x 400 triệu/trường; 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.	13.500	13.500	-	-	13.500	13.500	-	13.500	-	13.500	-	-	-	-	-
31	Kinh phí Báo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.	227.836	227.836	-	-	227.836	227.836	-	227.836	-	227.836	-	-	-	-	-
32	Kinh phí bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.	69.276	69.276	-	-	69.276	69.276	-	69.276	-	69.276	-	-	-	-	-
33	Kinh phí thực hiện theo an ninh Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.	32.365	32.365	-	-	32.365	32.365	-	32.365	-	32.365	-	-	-	-	-
34	Kinh phí thực hiện Thông tư 42/TTLT chỉnh sách giáo dục với người khuyết tật.	7.523	7.523	-	-	7.523	7.523	-	7.523	-	7.523	-	-	-	-	-
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT, Thông tư 35/TTLT chỉnh sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.	2.011	2.011	-	-	2.011	2.011	-	2.011	-	2.011	-	-	-	-	-

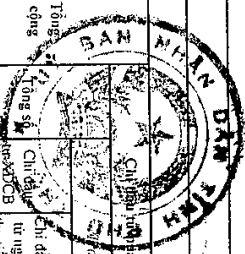


Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực							
		Tổng cộng	Trung tâm			Tổng số	Định mức	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề
			Chi đầu tư XDCB từ tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương			Định mức	Nhiệm vụ				
T													
5	93.032	93.032	-	-	-	93.032	-	93.032	-	-	-	-	93.032
7	3.534	3.534	-	-	-	3.534	-	3.534	-	-	-	-	3.534
8	9.101	9.101	-	-	-	9.101	1.101	8.000	-	-	-	-	9.101
9	8.490	8.490	-	-	-	8.490	-	8.490	-	-	-	-	8.490
0	14.810	14.810	-	-	-	14.810	-	14.810	-	-	-	-	14.810
1	3.000	3.000	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	3.000
2	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	-	700
3	600	600	-	-	-	600	-	600	-	-	-	-	600
4	7.000	7.000	-	-	-	7.000	-	7.000	-	-	-	-	7.000
5	7.000	7.000	-	-	-	7.000	-	7.000	-	-	-	-	7.000
6	6.500	6.500	-	-	-	6.500	-	6.500	-	-	-	-	6.500
7	6.500	6.500	-	-	-	6.500	-	6.500	-	-	-	-	6.500
8	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	1.500
9	6.000	6.000	-	-	-	6.000	-	6.000	-	-	-	-	6.000
0	159.323	159.323	-	-	-	159.323	-	159.323	-	-	-	-	159.323
1	10.000	10.000	-	-	-	10.000	-	10.000	-	-	-	-	10.000
2	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	2.000
3	6.000	6.000	-	-	-	6.000	-	6.000	-	-	-	-	6.000
4	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	-	700
5	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500
6	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	-	700

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi của đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
Chi cân đối ngân sách														
Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển		Tổng số	Bảo gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển		Định mức	Nghề vụ							
57	Kinh phí thực hiện Đề án báo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hà Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2038/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	5.000	5.000	-	5.000		5.000						5.000	
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương.	645	645	-	645		645						645	
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu người nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017	700	700	-	700		700						700	
60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể	1.500	1.500	-	1.500		1.500						1.500	
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.	4.000	4.000	-	4.000		4.000						4.000	
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.	500	500	-	500		500						500	
63	Chi phí xây dựng đề án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017, xây dựng mô hình điểm Du lịch công đồng Xuân Sơn.	1.000	1.000	-	1.000		1.000						1.000	
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.	500	500	-	500		500						500	
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.	1.200	1.200	-	1.200		1.200						1.200	
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.	2.000	2.000	-	2.000		2.000						2.000	
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.	5.000	5.000	-	5.000		5.000						5.000	
68	Hỗ trợ đổi bằng chuyên (Công an tỉnh)	1.500	1.500	-	1.500		1.500						1.500	
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập văn động viên và huấn luyện viên	3.000	3.000	-	3.000		3.000						3.000	
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hiệp thể thao tỉnh	5.000	5.000	-	5.000		5.000						5.000	
71	Hỗ trợ thực hiện thi đấu các ngành đoàn thể	1.000	1.000	-	1.000		1.000						1.000	
72	Chi thường giải bóng chuyền Cup Hùng Vương.	360	360	-	360		360						360	
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh	1.000	1.000	-	1.000		1.000						1.000	
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực	400	400	-	400		400						400	
75	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.	5.000	5.000	-	5.000		5.000						5.000	
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017	700	700	-	700		700						700	
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chỉnh sắn danh tư phát triển nông đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).	2.140	2.140	-	2.140		2.140						2.140	



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Tên đơn vị	Chi đầu tư phát triển										Chi thường xuyên theo lĩnh vực							
	Tổng cộng	Trung đối:					Tổng số	Bao gồm:		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
		Tổng cộng	Chi đầu tư từ nguồn thu trước thuế tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn lợi chi ngân sách địa phương	Tổng số		Định mức	Nghị vụ									
Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh	59.358	59.358	-				59.358		59.358									
Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.	39.813	39.813	-				39.813		39.813									
Kinh phí thực hiện chỉnh sách miễn thu thuế lợi phi.	99.141	99.141	-				99.141		99.141									
Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi	9.000	9.000	-				9.000		9.000									
Cải tạo, nâng cấp hồ Chồ xã Đông Lạc, huyện Yên Lập	5.000	5.000	-				5.000		5.000									
Cải tạo nâng cấp dự án đập Đá Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lương, Tạ Xá, Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê	4.000	4.000	-				4.000		4.000									
Kinh phí chức thi và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cụ *400) và 100 tuổi (300 cụ*850)	1.055	1.055	-				1.055	1.055										
Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT-BTC-BLĐ-BNV	864	864	-				864	864										
Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3.740	3.740	-				3.740	3.740										
Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100									
Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100									
Mức tiêu quân lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100									
Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đối mặt công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2.200	2.200	-				2.200		2.200									
Chi hỗ trợ đối mới công nghệ cho các doanh nghiệp.	3.000	3.000	-				3.000		3.000									
Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng).	200	200	-				200		200									
Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.	250	250	-				250		250									
Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng	2.000	2.000	-				2.000		2.000									
Duy tu sửa chữa thường xuyên đường tỉnh, mức chi 40 triệu đồng/km.	29.418	29.418	-				29.418		29.418									
Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn	4.000	4.000	-				4.000		4.000									
Khắc phục giao thông sau bão lũ, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường tỉnh	7.500	7.500	-				7.500		7.500									
Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 trên DT.316I, DT.316H, DT.321, DT.321C và DT.323	54	54	-				54		54									
Khắc phục hậu quả lụt, bão bảo đảm giao thông bước 2 trên các tuyến DT.313B, DT.316B, DT.321C	3.559	3.559	-				3.559		3.559									

Chi ngân sách

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Số đơn vị phát triển	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		Chi thường xuyên theo lĩnh vực						
				Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ	QLNN	Dang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT
	Chi phí phục vụ các hoạt động bảo đảm bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an ninh xã hội	3.887	3.887	-	-	3.887		3.887							
	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp giao thông	90.000	90.000	-	-	90.000		90.000							
96	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Thanh Sơn - Thanh Thủy (giai đoạn 1), đoạn 1 huyện Thanh Sơn	7.000	7.000	-	-	7.000		7.000							
	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba - Hương Xá	9.000	9.000	-	-	9.000		9.000							
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện số TL314 với TL 320, huyện Hà Hòa	5.000	5.000	-	-	5.000		5.000							
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	9.000	9.000	-	-	9.000		9.000							
	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phú Ninh (đoạn quốc lộ 2, để lưu thông)	7.000	7.000	-	-	7.000		7.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316B	7.000	7.000	-	-	7.000		7.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đồng, huyện Yên Lập	8.000	8.000	-	-	8.000		8.000							
	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê Tả ngòi Vĩnh Mỹ	5.000	5.000	-	-	5.000		5.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong thị trấn Hà Hòa	4.000	4.000	-	-	4.000		4.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên xã Tịch Kiên-Hy Cương-Xuân Lương (3 tuyến) huyện Lâm Thao	2.000	2.000	-	-	2.000		2.000							
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu Đông Thanh xã Đông Lạc đi khu 8 xã Minh Hòa, huyện Yên Lập	4.000	4.000	-	-	4.000		4.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ DT 320 đi Làng Sơn - Hạ Hòa	3.000	3.000	-	-	3.000		3.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tịch Thanh huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	3.000	3.000	-	-	3.000		3.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu 3, khu 4, khu 6, khu 7 xã Thanh Đình đi xã Chu Hòa, thành phố Việt Trì	5.000	5.000	-	-	5.000		5.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ TL313 đi trung tâm xã Sơn Tĩnh, huyện Cẩm Khê	4.000	4.000	-	-	4.000		4.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hiền Quan - Hương Nha, huyện Tam Nông	3.000	3.000	-	-	3.000		3.000							
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hậu Bông huyện Hạ Hòa (điều chỉnh đoạn DT 320 đi khu 1 và khu 5; bổ sung các đoạn từ DT 320 đi đê P15, từ đê P12 đi khu 7, từ đê P15 đi khu dịch lịch sử Đình Tráng)	5.000	5.000	-	-	5.000		5.000							

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
		Tổng cộng	Trong đó:			Tổng số	Bảo gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TD/TT	PTTH
			Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn vốn chủ ngân sách địa phương		Định mức	Nghị vụ								
Xử lý và chế biến chất thải theo Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020: 25.000 triệu đồng, hỗ trợ các doanh nghiệp công ích: 7.000 triệu đồng.	32.000	32.000				32.000		32.000								
Kinh phí hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường (Bổ sung có mục hết từ NSTW).	13.614	13.614	-			13.614				13.614						
Thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (Tư nguồn thu tiền sử dụng đất)	10.000	10.000	-					10.000				10.000				
Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác của địa phương	8.000	8.000	-					8.000				8.000				
CHỈ BỔ SUNG QUỸ DỰ TRÚ TÀI CHÍNH	1.200	1.200						-				-				
DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	114.140	114.140						-				-				
CHỈ TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ								-				-				
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.529.538	-						-				-				
BỘ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	341.890	-						-				-				
CHỈ BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ	3.782.411	-						-				-				

Tỉnh Phú Thọ.

DỰ TOÀN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017 (Tiếp theo)

Phụ biểu số 07.

Đơn vị tính: Triệu đồng.



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cần đối ngân sách																		
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		DBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Chi trả theo hợp đồng	Chi trả theo quyết định	Chi trả theo quyết định	Chi trả theo quyết định	Chi trả theo quyết định	
A	TỔNG CỘNG	58.902	31.630	433.088	90.216	###	20.145	21.480	10.000	8.000	42.005	123.972	1.392.791	1.200	114.140	1.579.538	341.890	3.782.411
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	58.902	31.630	433.088	90.216	###	20.145	21.480	10.000	8.000	42.005	123.972	1.392.791	-	-	-	-	-
1	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	50.743	28.630	60.501	32.132	-	-	-	-	-	40.982	123.972	1.392.791	-	-	-	-	-
1	Văn phòng UBND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	837	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức QLNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104	-	-	-	-	-	-	-
-	Trung tâm Công báo - Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	140	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của thương vụ UBND tỉnh.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và ra soát các văn bản quy phạm pháp luật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	130	-	-	-	-	-	-	-
-	Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	In và phát hành Công báo của tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của Ban tiếp công dân.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số ...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-
2	Văn phòng UBND tỉnh.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	396	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41	-	-	-	-	-	-	-
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác ghi của các đại biểu cơ sở + Đại báo + Tài liệu chuyên môn các đại biểu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hoạt động giám sát, khảo sát.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017												
Chi cần đối ngân sách												
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
	ĐBXH	KHCH	Sở nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										100% TK lương ngân CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	
Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	125	-	-
Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-
Chi xây dựng ban tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-
Chi hoạt động chuyên môn phục vụ kỳ họp: Chi họp thẩm tra, chi xây dựng các báo cáo của ban thẩm tra, chi chuẩn bị các văn bản phục vụ các kỳ họp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-
Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa mới NK 2016-2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua sắm trang phục cho đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi thực hiện chuyên mục "Giám đốc số với cư trú"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi sửa chữa và mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-
Số Kế hoạch và Dự toán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	275	150	800
Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	120	150	800
Chi hoạt động tư vấn, giám sát đánh giá dự án đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi ban chỉ đạo các CTMTQG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí chi một cửa liên thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-
Kinh phí chi nghiệp vụ Ban đối mới doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-
Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi nghiệp vụ Hoạt động KT đối ngoại; xây dựng báo cáo phát triển KTXH... và các hoạt động nghiệp vụ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	75	-	-
Sở Khoa học công nghệ	-	11.200	-	-	-	-	-	-	-	925	-	-
Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Tên đơn vị	Chi cần đối ngân sách												
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách (tên tương)		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		Chi bổ sung cơ sở ngân sách trung ương
Chi định mức biên chế QLNN										31	80	210	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
Chi định mức biên chế sự nghiệp		4.310								55			Bồi thu ngân sách địa phương
Chi kiến tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh dại		600								60			
Phòng chống dịch diện rộng		2.000											
Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng.		200								20			
Thuế trợ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao).		120											
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		500								30			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		180											
Chi hoạt động nghiệp vụ tuyến truyền; chi phần tích mẫu thuốc và thực ăn chăn nuôi		200								20			
Vận phòng Chi cục bảo vệ thực vật		6.596								268	4	40	
Chi định mức biên chế QLNN										21	4	25	
Chi định mức biên chế sự nghiệp		4.346								55		15	
Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích		130											
Hỗ trợ công tác tuyến truyền + Nghiệp vụ		200								20			
Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng		200								20			
Chi hoạt động kiểm dịch thực vật		150								8			
Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng		500								50			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		100											
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		500								50			
Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bảy đèn		450								45			
Số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		650								150	32	80	
Chi định mức biên chế										83	32	80	
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg+Chi trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón.													
Chi sửa chữa lớn trụ sở										25			
Chi duy trì trang thông tin điện tử													
Chi nghiệp vụ sở													
Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định										20			
Ban chi đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh		200											
Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NT.N		450											
Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão										23			
										1.044			
		12.556											

Chi các đối ngân sách

Duyệt toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													
Chi các đối tượng khác													

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị, thành, tỉnh	
	ĐBXH	KHCHN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách						
										10% TK làm ngân CCTL	35-40% số thu để làm ngân CCTL					
																Các khoản thu
Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng (lồng cạnh)			200								20					
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.			60													
Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản		300									30					
Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản											167	18	103			
Chi định mức											27	18	103			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.																
Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản											30					
Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn											60					
Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.																
Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.																
Chi tổ chức các đoàn thành tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.											15					
Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích											35					
Chi cục Lâm nghiệp			340								68					
Chi định mức biên chế											16					
Chi định mức sư nghiệp			340								6					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định											15					
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra và chi nghiệp vụ quản lý lâm nghiệp.																
Chi cục phát triển nông thôn			770								31					
Chi định mức QLNN											82					
Chi định mức sư nghiệp											34					
Chi nghiệp vụ											8					
Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định											10					
Kinh phí bồi chi cho làng nghề			200								30					
Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng.																
Chi kiểm tra, chi đào tạo nghề và thường công nhân làng nghề (3 làng x30tr), kiểm tra 20tr; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Trưởng các làng nghề 60tr.			400													

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Chi bổ sung có ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		DBXH	KHCH	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Các khoản từ	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách		
							tiền lương	35-40% số thu để làm nguồn CCTL					
19	Chi cục kiểm lâm		2.110				439						
-	Chi định mức						233						
-	Chi mua sắm tài sản						50						
-	Chi trang phục ngành và nghiệp vụ						40						
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCC		360				36						
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng căn lư		200										
-	Chi mua sắm thiết bị		300				30						
-	Bảo vệ rừng mùa khô hành 139 xuất		250										
-	Chi trả nợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc												
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt kiểm lâm: Tân Sơn, Phú Lâm, Việt trí, Thanh Sơn; các hạt: Lai đồng, Phương vỹ, Bền Sơn, Tam Cửu, Chi Tiền, Ngọc lập (CC Kiểm Lâm)		1.000				100						
-	Vườn Quốc gia Xuân Sơn		4.910				180						
-	Chi định mức		3.910				80						
-	Kinh phí tuyên truyền tập huấn cho người dân về công tác phòng chống cháy rừng		200				20						
-	Chi nghiệp vụ		300				30						
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		500				50						
21	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Bica		1.295				77						
-	Chi định mức biên chế		595				17						
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng căn lư		200				10						
-	Chi mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc		500				50						
22	Ban quản lý rừng phòng hộ Ngòi Giành		1.505				70						
-	Chi định mức biên chế		805				10						
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng căn lư		200				10						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và thanh toán kinh phí sửa chữa nhà làm việc		500				50						
23	Trung tâm khuyến nông		6.870				357						
-	Chi định mức		2.870				57						
-	Thống tin tuyên truyền		300				30						
-	Tham quan học tập		100				10						
-	Tập huấn, huấn luyện		590				50						
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình nhằm cảnh cáo tạo vườn bưởi Đoàn hương		200				20						
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên truyền		200				20						
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư		2.000				100						
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình		500				50						
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân		200				20						
24	Trung tâm giống vật nuôi Phú Thọ		4.038				107						
-	Chi định mức biên chế		1.558				27						
-	Chi tuyên truyền + nghiệp vụ		300				30						

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi của đối ngân sách													
T	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK lương CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		
	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông ba để sản xuất giống bò mẹ chất lượng			800									
	Hỗ trợ sản xuất gà giống			300									
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản			500							50		
	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn			300									
	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo			300									
5	Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			425									
5	Sở Nội vụ												
	Chi định mức										3		
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra										196		
	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020										47		
	Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tình hình biên chế										30		
	Chi nghiệp vụ										25		
	Chi sửa chữa mua sắm tài sản và duy trì mạng LAN										44		
7	Ban Tôn giáo										50		
	Chi định mức										22		
	Chi nghiệp vụ										12		
	Mua sắm tài sản										10		
	Chi chức năng, tham hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo												
8	Ban dân tộc										87		
	Chi định mức biên chế										32		
	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng tiến trình và thăm hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg												
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản										30		
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra												
	Chi nghiệp vụ										25		
	Ban thi đua khen thưởng										74		
	Chi định mức										34		
	Mua sắm, sửa chữa tài sản										20		
	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng										20		
	Thanh tra tỉnh										138		
	Chi theo định mức										53		

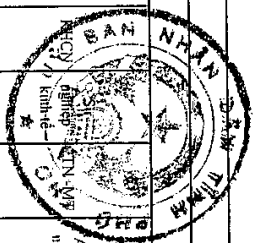
Chi toán chi ngân sách											
Chi cần đối ngân sách											
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHCH	Chi hướng tuyến theo lĩnh vực				Chi cần đối ngân sách		Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương
				Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách khác	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguyên thực hiện cải cách tiền lương	Các khoản thu	Chi bổ sung dự trữ tài chính		
	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra										
	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư						30				
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản										
	Kinh phí duy trì trang LAN và trang thông tin điện tử										
	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 99/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012										
	Chi nghiệp vụ						35				
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)						34				
	Chi theo định mức						14				
	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và khiếu nại tố cáo...										
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						20				
32	Số Tài chính						259	2.500			
	Chi theo định mức						104	2.500			
	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá						50				
	Duy trì điện thoại, hệ thống TABMIT										
	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật										
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNH; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kê khai giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...										
	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 và thực hiện cs thụ lợi phí: Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đón tiếp thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư tưới điện hạ áp nông thôn, công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.										
	Chi hội đồng nhân định bằng giá đất theo NB 44/2014/NĐ-CP; Hội đồng nhân định giá đất cụ thể tình hình sử dụng đất theo NB 45/2014/NĐ-CP, TT số 48/2012/TT-BTC, TT số 13/2010/TT-BTC, TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá										



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật pháp lệnh CA và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		
Kinh phí duy trì mạng LAN, trang thông tin điện tử và công tác thông kê, lưu trữ tài chính													
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										50			
Chi nghiệp vụ ngành.										55			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra và nghiệp vụ.													
3. Sở Công thương										222	90	350	
Chi định mức										87	90	350	
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.													
Chi hoạt động của Ban liên hiệp kinh tế quốc tế													
Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.													
Kinh phí bán gạo lứt diện áp nông thôn (Ban quản lý RE 1)* Tổ chức thu hồi vốn Dự án năng lượng nông thôn.													
Chi xác tiền thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại, Hỗ trợ tổ chức đàm phán về nông thôn miền núi										60			
Chi BCD an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tiếp nhận kiến thức cho các CSSKKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).										30			
Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.													
Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.													
Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012): 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016): 300 triệu.													
Chi nghiệp vụ ngành.													
Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành công thương.										45			
4. Sở Xây dựng										152	425	1.200	
Chi định mức										104	425	1.200	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		DBXH	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
								tiền lương	35-40% số thu để làm CCTL							
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.								18							
	Kinh phí mua sắm tài, sửa chữa tài sản.															
	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng.															
	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thông kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.															
	Kinh phí hoạt động của BCD thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.															
	Chi nghiệp vụ.															
	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.								30							
35	Số Giao thông vận tải								186	500	17.274					
	Chi định mức								156	500	17.274					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản.								30							
	Chi nghiệp vụ ngành.															
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.															
36	Số Tư pháp.								322	20	400					
	Chi định mức								84	20	400					
	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính								20							
	Kinh phí duy trì tu sách pháp luật (2trên đồng/xã/năm, riêng huyện Tân Sơn: 2,5trên đồng/xã/năm)															
	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu, sổ sách cấp hồ tích cho các xã phường, thị trấn, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp								40							
	Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật: Công tác hành chính tư pháp.								30							
	Kinh phí phục vụ công tác Kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật															
	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc số Tư pháp.								35							
	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)								30							
	Chi nghiệp vụ.								33							



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số đầu để làm nguồn CCTL			
Tên đơn vị													Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.		-											
Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật		-	20.427						50	373	2.300		
Sở Tài nguyên và Môi trường		-							45	222	2.300		
Chi định mức		-											
Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...		-							33				
Chính lý biên động đất đai.		-	1.000										
Điền chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020.		-	1.500										
Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.		-	800										
Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.		-	1.000										
Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.		-	3.000										
Các hoạt động quản lý khoáng sản và thẩm định cấp quyền khai thác khoáng sản		-	200						20				
Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.		-	500										
Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường.		-	1.000										
Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hóa đất kỳ đầu tỉnh Phú Thọ.		-	2.000										
Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".		-	2.000										
Các hoạt động quản lý tài nguyên nước - kinh tượng thủy văn		-											
Quan lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.		-	100						10				
Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường		-	1.000						100				
Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.		-	400										
Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh		-	500										
Hoà hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường		-	100										
Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.		-	200						20				
		-	1.000										

Page 65

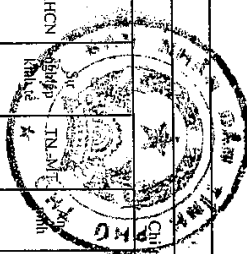
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																			
Chi cần đối ngân sách																			
Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		Chi bổ sung có ngân sách trung ương		Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị			
ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Các khoản thu	Chi bổ sung	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
										35									
			250							75	160								
			1.295							5	160								
			595																

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

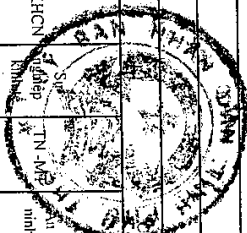
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
Chi cần đối ngân sách														
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Chi bổ sung có ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		DBXH	KHCH	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách liên lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
								10% TK làm nguồn CCTL	33-40% số thu để làm nguồn CCTL					
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch							1.520	37	435				
	Chi định mức							92	22	180				
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra													
	Chi nghiệp vụ ngành							33						
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản							50	10	200				
	Đoàn kịch							119	10	200				
	Định mức							36	10	200				
	Xây dựng tiết mục mới													
	Chi biểu diễn miễn phí (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh)													
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp													
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và xây dựng nhà kho Đoàn kịch nói							75						
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản													
	Chi bồi dưỡng huyện tập													
	Dan dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị							8						
	Tập huấn năng cao trình độ nghệ thuật							112	5	55				
	Đoàn chèo							24	5	55				
	Định mức													
	Xây dựng tiết mục mới													
	Chi biểu diễn miễn phí (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh)													
	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp													
	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị													
	Chi bồi dưỡng huyện tập													
	Dan dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị													
	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Soan và di sản khác													
	Tập huấn năng cao trình độ nghệ thuật							8						
	Nghệ thuật Văn hóa thông tin							400						
	Trung tâm Văn hóa thông tin (trong đó có 200 triệu chỉ nghiệp vụ)							31						
	Chi nghiệp vụ công tác gia đình							60						
	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch 200tr)							84						
	Kinh phí chi cho Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (trong đó chi cho Ban chỉ đạo 200 triệu)							25						



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
Chi hướng xuyên theo lĩnh vực													
ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách thức lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách
									10% T/C làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL			
Tên đơn vị													Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị
Kinh phí quý hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch Phú Thọ; xây dựng 01 sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh...									200				
Chương trình hợp tác phát triển 8 tỉnh Tây bắc mở rộng									50				
Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Văn hóa									100				
Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện tỉnh (trong đó sửa chữa sân: 300 triệu đồng)									90				
Chi chuyển môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao									75				
Bảo tàng Hùng Vương									140		60		
Chi định mức									20		60		
Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật tư liệu									30				
Chi khảo sát khai quật di tích khảo cổ học: Tháp Xuân Ấng, huyện Hạ Hòa + An Đạo Phú Ninh.													
Điều tra, nghiên cứu sưu tầm văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kinh phí điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản Văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số; Sưu tầm, trưng bày Ngôi nhà Việt Cổ													
Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường sa, Hoàng Sa													
Chi hoạt động Bảo tàng (diễn, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan)									15				
Chi làm nhà vòm bảo quản máy bay, tu sửa sơn lại hiện vật 02 máy bay MIG 21.									15				
Chi nghiệp vụ									30				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30				
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng									1				
Tư viện tỉnh									184	10	40		
Chi định mức									24	10	40		
Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ									50				
Kinh phí sự lý mới, bảo quản sách									20				
Chi phí mua phần mềm thư viện ILIB 6.5 + duy trì Website thư viện									15				
Chi tổ chức Thiểu nhi Đất đỏ tuyên truyền giới thiệu sách + triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giải thưởng Vương, tổ chức hội thi cán bộ thư viện giỏi									35				
Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư viện tỉnh													

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi của đối ngân sách																
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHON	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
									10%	TK CCTL						
	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh								10							
	Kinh phí vận chuyển xếp dỡ sách báo, phục vụ sửa chữa trị số thư viện								30							
	Chi nghiệp vụ															
	Chi bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển đến các điểm bưu điện-văn hóa xã								116	693	34.832					
50	Khu di tích lịch sử đền Hùng								66	693	34.832					
	Chi định mức								50							
	Chi mua sắm tài sản															
	Kinh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhân dân giao tư Công ty Giấy															
	Chi xây dựng kế hoạch báo tồn, phát huy giá trị Tia nguồn từ cùng Hưng Vương, giai đoạn 2016-2020.								55							
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ								18							
	Chi định mức															
	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành (25 triệu/ chuyên ngành)															
	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành															
	Kinh phí mở lớp nâng cao kiến thức bồi dưỡng tài năng trẻ															
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ Việt Nam năm 2017: 50 triệu; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc đi dự liên hoan và triển lãm : 3 x 20 =60 triệu; Hội thảo về nhà văn Nguyễn Hữu Năm: 50 triệu.															
	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ								30							
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản															
	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách ấn nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Về đẹp tiền thân quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).								8							
52	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút								35							
	Tập chí văn nghệ Đất Tổ								13							
	Chi định mức															
	Hỗ trợ trả nhuận bút Tập chí văn nghệ Đất Tổ và phụ san															
	Tập chí văn nghệ Đất Tổ															
	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã DBKK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trung tâm: 100tr.															
	Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ đề tài "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...															



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
Chi cần đối ngân sách															
Chi hướng xuyên theo lĩnh vực															
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL				
3			-							20					
			-							56					
			-							6					
			-												
			-							20					
			-							30					
4		-	-	-						207	10	708			
			-							2	10	708			
			-							30					
			-							50					
			-							75					
			-							50					
			-												
			-							84					
			-							34					
			-							30					
5			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-							20					
			-												
			-							12					
			-							12					
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												
			-												

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi của đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
Chi cân đối ngân sách															
Chương xuyên theo lĩnh vực															
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHCHN	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện tài chính		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
								10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
*	Chi tuyến truyền tư vấn cho người tàn tật đưa vào cộng đồng	300	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-
*	Trung tâm giáo dục Lao động xã hội	9.084	-	-	-	-	-	88	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi định mức	5.200	-	-	-	-	-	48	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi phụ cấp thù hút đặc thù (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 41/15/QĐ-UBND)	884	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma túy tại trung tâm	2.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Trung tâm điều dưỡng người có công	5.644	-	-	-	-	-	133	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi định mức	4.800	-	-	-	-	-	93	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Nghiệp vụ ngành	600	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-
*	Thu gom rác đối tượng lang thang	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Mại táng phí cư dân chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	200	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-
*	Các đoàn đi tham viếng nghĩa trang liệt sĩ	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi quà các đối tượng chính sách tại +2/77+Bảo	1.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyển tuyển về xuất khẩu lao động	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 2/7/77	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Thu nhập, xử lý thông tin cung cấp lao động	350	-	-	-	-	-	35	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	100	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi trả suất hộ nghèo (Số Lao động - Thương binh và Xã hội)	250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp	200	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cân đối ngân sách													
Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương			Chi bổ sung quỹ đặc trợ tài chính
										10% TK lương CCTL	33-40% số thu để làm CCTL	Các khoản thu	
Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200		-							20			
Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn đường tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ, GD 2016-2020.	200		-							20			
Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450		-							45			
Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300		-							30			
Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (người cao tuổi, dạy nghề, ...)	300		-										
Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200		-							20			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg - Trung phục thành tra.	100		-										
Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh	50		-										
Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng	1.070		-										
Các nhiệm vụ phát sinh khác	600		-							60			
Kinh phí quỹ hoạch mang lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ	200		-							10			
Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150		-							8			
Kinh phí thực hiện KH số 87/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thúc đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020.	300		-							30			
Chi các phòng chống tệ nạn xã hội	550		-							99	21		
Chi định mức													
Chi nghiệp vụ tuyên truyền và phòng chống tệ nạn xã hội.			-							30			
Chi sửa chữa, tu sửa sân tại sân			-							20			
Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm; Công tác phòng chống ma túy.	500		-							25			
Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về	50		-							3			

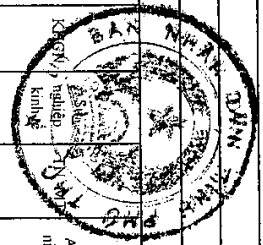
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Chi ngân sách xuyên theo lĩnh vực														
		DBXH	KHCN	kinh tế	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị	
									tiền lương	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	300							15							
	Định mức	300							5							
	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200							10							
60	Trung tâm quản lý sau cải nghiệp mã tử	2.749							48							
	Định mức	1.300							28							
	Chi phí cấp tin tức đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg, QĐ số 41/3/QĐ-UBND)	272														
	Chi chiế độ cho đội tương sau cải nghiệp theo TT 121/2010/TT-LT BTC-BLDTBXH ngày 12/8/2010	977														
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	200							20							
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản								166	16	68					
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ								46		16	68				
	Chi định mức biên chế															
	Định mức biên chế sự nghiệp															
	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp								20							
	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp															
	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý Khu Công nghiệp								80	20						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản								296							
62	Sở Thông tin và truyền thông								73							
	Chi định mức biên chế															
	Chi nuôi dưỡng và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giao tiếp điện tử								35							
	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu															
	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ								30							
	Kinh phí thực hiện kế hoạch công nghệ truyền báo vệ chi quyền của Việt nam ở biên Đông															
	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020								50							
	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đại diện thành theo kế hoạch số 3883/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh								10							
	Kinh phí truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã Việt Nam (theo thỏa thuận giữa Chi cục UBND tỉnh với Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ngày 03/6/2013)								30							

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cân đối ngân sách													
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách thức		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		
Chi nghiệp vụ công tác bảo chi, xuất bản, ban hành văn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền thông										25			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.													
Kinh phí xây dựng phương án và thực hiện điều tra, khảo sát, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu tư truyền hình kỹ thuật số mặt đất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo QĐ số 2431/QĐ-TTg ngày 27/12/2011; TT số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016)										8			
Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin.													
Chi nghiệp vụ ngành.													
3 Chi cục quản lý thị trường										33			
Chi theo định mức										272		4.200	
Chi trang phục ngành.										192			
Thuế trị số làm việc của đội Quản lý thị trường Yên Lập.													
Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo 389													
Mua sắm + sửa chữa tài sản										50			
Chi tổ chức tuyên truyền, triển khai, tập huấn pháp lệnh quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH ngày 08/3/2016 và nghiệp vụ.										30			
Mua ấn chỉ Quản lý thị trường hàng năm													
4 Sở Ngoại vụ										250			
Định mức										55			
Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc tại tỉnh										70			
Chi thuê phiên dịch các đoàn khách, thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến đầu tư													
Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiệp ngoại giao, chúc mừng các đại sự ngày quốc khánh										15			
Chi mở lớp tập huấn về công tác đối ngoại										15			
Chi hoạt động nghiệp vụ										30			
Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản báo tin đối ngoại										35			
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.													
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30			
Chi cục Văn thư lưu trữ										197			
Chi định mức										27			
Kinh phí nghiệp vụ lưu trữ.										40			

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		ĐBKH	KHCH	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các chế độ, chính sách khác		Cac khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
								10% TK làm ngân sách CCTL	35-40% số thu để làm ngân sách CCTL							
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác văn tu lưu trữ.							40								
	Kinh phí chi trả tạo hệ thống của nhà làm việc, kho lưu trữ lịch sử, cải tạo bếp cũ thành kho để tài liệu và một số hàng mục khác.															
	Kinh phí về sinh kho bảo quản và về sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông tư 13/2011/TT-BNV.							60								
	Kinh phí mua thuốc chống mủ, khử trùng kho lưu trữ.							30								
	Chi lắp lưới chống tác văn thư lưu trữ															
	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng UBND và UBND tỉnh (cứ liệu điện tử).															
	Kinh phí chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.															
66	Trang làm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.							176	20	60						
	Chi định mức							45	20	60						
	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.							20								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.															
	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.							20								
	Chi nghiệp vụ khuyến công							66								
	Kinh phí đào tạo															
	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.							25								
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp							28		14.457						
	Chi định mức							28		14.457						
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp							12	20	1.300						
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ							18	24	5.000						
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Sở Xây dựng)							8	30	6.000						
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính							16								
	Chi định mức							20								
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản							50								
	Chi tuyên truyền, tập huấn, cấp nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công							20								
	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017							10								
	Chi nghiệp vụ							82	50	500						
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư)							32	50	500						
	Chi định mức															
	Chi đoàn tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ															

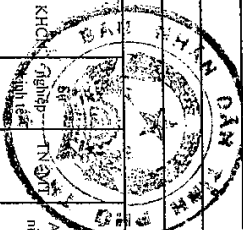
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi của đối ngân sách																	
STT	Tên đơn vị	DBXH	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
			An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
								tiền lương	10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL	
84	Chi nghiệp vụ Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương).							30	154	29							
	Chi định mức							30									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							10									
	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại							15									
	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh, hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...																
	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020							50									
	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu.							20									
85	Văn phòng tỉnh uỷ							1.796									
	Chi của Văn phòng tỉnh uỷ							246									
	Chi theo định mức							51									
	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ 69 (35 BCH đảng bộ tỉnh)							25									
	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin																
	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng																
	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng, Công nghệ thông tin về tài, khách tiếp, công tác văn thư, luật trị).							30									
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng							40									
	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục căn bộ nghiệp vụ về tài																
	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo																
	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm																
	Mua sắm sửa chữa tài sản							100									
	Chi nghiệp vụ khối Đảng							1.300									
	Chi tăng lương đảng bộ trong sạch, vững mạnh																
	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ							100									
	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh							30									
	Chi học tập nghị quyết Trung ương + Tỉnh							300									
	Chi khuyến thương của khối tỉnh uỷ							45									
	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ							150									
	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh																
	Chi đưa đón cán bộ lao thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát																
	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ + Ban Thường vụ.							225									
	Chi tăng lương hiện 40,50,60... năm tuổi Đảng																



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cân đối ngân sách													
Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		
Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh ủy											100		
Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về Công nghiệp thông tin													
Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình của tỉnh ủy										30			
Các nhiệm vụ phát sinh khối tỉnh ủy										320			
Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối tỉnh ủy										250			
Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy													
Chi sửa chữa trụ sở làm việc của Tỉnh ủy													
6 Ban Tổ chức										60			
Chi theo định mức										21			
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30			
Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng										18			
Chi đường sức làm hồ													
7 Ban Tuyên giáo										147			
Chi theo định mức										49			
Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên: 200 triệu; Chi Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 400tr.											30		
Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo: 100 triệu; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp huyện: 40 triệu.											14		
Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh													
Chi thông tin sinh hoạt chi bộ tuyên truyền viên													
Phụ cấp báo cáo viên theo lương dẫn 06-HĐ/BTCTW-BTGTW													
Phụ cấp công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 06-HĐ/BTCTW													
Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng nghiên cứu truyền miệng										9			
Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết chuyên đề										15			
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										15			
Chi Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại													
Chi hoạt động công tác xây dựng Đảng										15			
Uy ban kiểm tra tỉnh ủy										108			
Chi theo định mức										21			
Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020													

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cân đối ngân sách																		
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		DBXH		KHON	Giáo dục - TN & MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Các khoản thu	Chi bổ sung dự trù tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
											100% TK	35-40% số thu để làm ngân CCTL						
	Chi công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và các ban xây dựng đảng tỉnh, Tòa án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh ...											13						
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng											30						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản																	
	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát của 11 thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.											23						
	Chi công tác xuất bản báo tin công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Phú Thọ.											20						
89	Ban Dân vận											84						
	Chi theo dõi mức											24						
	Mua tạp chí Dân vận, báo tin tôn giáo																	
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo.											20						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản											30						
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng											10						
	Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ																	
	Chi tổ chức các hội nghị: Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh ủy về công tác dân vận																	
	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động công tác dân vận.																	
90	Ban Phú Thọ											193						
	Chi theo dõi mức											118						
	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy																	
	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi																	
	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biểu (Báo thường 3300x2600x5 x1200đ, Báo cuối tuần 3300x 351 kỳ x1800đồng)																	
	In mẫu trang 1 và trang 4 (7.45x40 x 550 /mẫu x 52 mẫu x 396đồng / tờ)																	
	Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ																	
	Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phòng văn Báo Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc.											15						
	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chi ban.											60						
91	Ban Nội chính											69						

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi của đối ngân sách													
Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
Tên đơn vị	ĐBXH	KHON	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL		
T													
Chi theo định mức										19			
Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị										10			
Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng										10			
Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân													
Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử													
Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh													
Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng													
Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng													
Mua tin tở cáo về tham nhũng													
Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh ủy.													
Chi mua sắm, sửa chữa tại sân										30			
Đang ủy khởi các cơ quan tỉnh										190			
Chi theo định mức										34			
Chi phụ cấp cấp ủy theo QĐ169-QĐ/TW													
Chi khen thưởng cơ sở													
Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)										20			
Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hóa quy chế dân chủ, học tập làm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập													
Hoạt động của hội Cựu chiến binh.										7			
Hoạt động của Đoàn thanh niên										7			
Hoạt động của Công đoàn viên chức										7			
Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng ủy khởi.										20			
Chi xây dựng, làm định đề án, các báo cáo... mình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh ủy										10			
Kinh phí chi cho công nghệ thông tin										7			
Ch cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU										8			
Mua sắm và sửa chữa tại sân										30			
Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở + Tổ chức hội nghị báo cáo viên giỏi năm 2017.										20			
Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ V (Nhiệm kỳ 2017-2022).													

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi của đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	DBXH		Chi thường xuyên theo lĩnh vực					Chi bổ sung có ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị						
				An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định								
											Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	Các khoản từ	Chi bổ sung quỹ dự phòng ngân sách			
	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khởi lần thứ IX (Nhiệm kỳ 2017-2022)															
	Kinh phí tổ chức đại hội Công đoàn viên chức (Nhiệm kỳ 2017-2022)															
	Kinh phí xây dựng kho lưu trữ															
93	Chi bồi dưỡng kiến thức thực quốc phòng cho đối tượng 4															
	Đảng uỷ khởi doanh nghiệp															
	Ghi theo định mức															
	Chi phí cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc															
	Chi kiến thưởng cơ sở															
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ... chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)															
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập, Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng trong Doanh nghiệp															
	Hoạt động của hội Cựu chiến binh															
	Hoạt động của Đoàn thanh niên															
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và đảng bộ khối															
	Chi xây dựng, nâng cấp để an, các báo cáo ... trình BCH, BTV theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ															
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin															
	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12-QĐ-TU															
	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở															
	Mua sắm và sửa chữa tài sản															
	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022)															
	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khởi lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022)															
	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ khối doanh nghiệp															
	Kinh phí tổ chức hội nghị Người Việt Nam ưu tiên đóng hàng Việt Nam (30 triệu); tổ chức hội nghị đối thoại giữa Doanh nghiệp với Lãnh đạo UBND tỉnh (30 triệu)															
	Chi bồi dưỡng kiến thức thực quốc phòng cho đối tượng 4															
94	Ban Bảo vệ sức khỏe															

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cân đối ngân sách																	
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																	
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Chi định mức										66							
Chi định mức sự nghiệp																	
Chi khám sức khỏe định kỳ																	
Mọi gói sử hồi chẩn																	
Chi trợ cấp thường xuyên đối với Cán bộ nguyên UVTV đáng khoa II,III và cán bộ hoạt động Cách mạng trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo																	
Sửa chữa nhà làm việc thành khu đầu tư											100						
Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản											30						
Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa bệnh											319						
Tỉnh đoàn thanh niên											104						
Chi định mức											50						
Kinh phí tập huấn nghiệp vụ, tài liệu tuyên truyền											10						
Kinh phí mua bảo Tien phong + tạp chí Thanh niên																	
Kinh phí tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các hoạt động trong thanh niên.											80						
Chi hoạt động nghiệp vụ khác											45						
Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tỉnh Phú Thọ																	
Kinh phí tổ chức Đại hội Đoàn TNCSHCM tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2017-2022.																	
Kinh phí thực hiện Kế hoạch 3965/KH-UBND tỉnh 18/9/2014 về Đoàn thanh niên tham gia đảm bảo trật tự ATGT - giai đoạn 2014-2017; Kế hoạch 3966/KH-UBND 18/9/2014 về Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.																	
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản											30						
Hội liên hiệp thanh niên											48						
Chi định mức											23						
Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí sơ kết giữa nhiệm kỳ; tổ chức các hoạt động chào mừng Đại hội đoàn các cấp và tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức).																	
Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Hùng Vương											25						
Chi định mức											103						
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản											23						
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản											20						
Kinh phí thực hiện chương trình ngày hội thanh niên đất đỏ; Tham gia chương trình hoạt động của Trung ương đoàn; Tham gia liên hoan văn hóa, văn nghệ các trung tâm khu vực phía bắc; Tổ chức hội nghị lãnh đạo các trung tâm và nhà văn hóa Thanh thiếu niên khu vực phía bắc tại Phú Thọ theo chương trình của Trung tâm Thanh thiếu niên trung ương.																	20

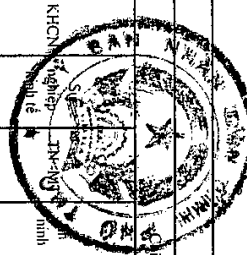
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cần đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		DBXH		An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các chế độ, chính sách khác		Các khoản thu				Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách
									10% TK hạn nguồn CCTL	35-40% số thu để hạn nguồn CCTL						
-	Kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ đoàn, đội, hội.								20							
-	Chi tổ chức các hoạt động nghiệp vụ								20							
98	Nhà thiếu nhi								150							
-	Chi định mức								43							
-	Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và tập huấn								30							
-	Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan Tiếng Kèn đội trẻ, Liên hoan nghệ thuật thiếu nhi các tỉnh phía Bắc, tham gia các giải thi đấu thể thao...)								25							
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản								50							
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh								416							
-	Chi định mức								9							
-	Chi theo định mức sự nghiệp															
-	Tổ chức "Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững".								50							
-	Kinh phí thực hiện đề án 343 "Tuyên truyền giáo dục, phân chia, đào tạo phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước"; Đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt"; Hội nghị sơ kết, tổng kết...								80							
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản (có 300 triệu mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm phụ nữ)								50							
-	Hỗ trợ kinh phí cho "Quy hoạch phụ nữ nghề"															
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ trợ.								100							
-	Kinh phí tổ chức đoàn đại biểu phụ nữ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc 13/2017 + Tuyên truyền tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam, tỉnh, điều lệ hội; Tổng kết 10 năm Nghị quyết 11/NQ-TW, sơ kết 5 năm ND 36/2012/NĐ-CP...								30							
-	Kinh phí tham gia cuộc thi do Trung ương hội chị em "Độc đáo công tác hội"; "Sáng tác biểu trưng về nông thôn mới"															
-	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027"; Đề án "Tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới"								25							
-	Chi nghiệp vụ.								10							
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.															

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017												
Chi các đối tượng khác												
Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Người thực hiện chi cách tiền lương			Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Các khoản thu	
Tên đơn vị												Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
Đã an đạo tạo bồi dưỡng cán bộ Liên hiệp phụ nữ giải đoàn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)												
Mặt trận tổ quốc									312			
Chi định mức									37			
Kinh phí tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII + Tập huấn triển khai Luật MTQQ Việt Nam (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành.									30			
Kinh phí hoạt động của Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014												
Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tổ chức thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức năm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và công tác tham gia xây dựng chính sách pháp luật; triển khai thực hiện quy chế dân chủ; hoạt động thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư công cộng và các hoạt động khác.									70			
Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở, ban ngành									70			
Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận: Triển khai cuộc vận động "người Việt nam dùng hàng Việt Nam".									50			
Kinh phí hoạt động của Ủy ban đoàn kết công giáo tỉnh												
Kinh phí góp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đón tiếp thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: Các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số ... (theo QĐ số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng CP).												
Chi ban chi đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư												
Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.												

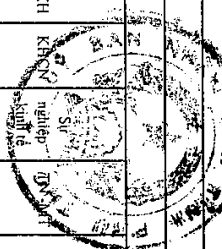
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
Chi cần đối ngân sách															
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHCHN	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN- QP khác	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Cac khoản thu	Chi bổ sung quỹ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
							tiền lương	10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL
	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trong công tác triển khai "Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng"														
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác							55							
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh							69							
	Chi định mức							29							
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng / 1 hội)														
	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền, vận động viên trợ phí chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác							20							
	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản							20							
102	Hội nông dân							160							
	Chi định mức							29							
	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm)							15							
	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân							30							
	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân bổ xã hội.							40							
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Ban chỉ đạo triển khai kết luận 61 và quyết định 673 cấp tỉnh														
	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị do TW tổ chức.														
	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội.							20							
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản														
	Quy hỗ trợ nông dân														
	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp							11							
	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017.							15							
103	Hội cựu chiến binh							95							
	Chi định mức							23							
	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn							20							
	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác							30							

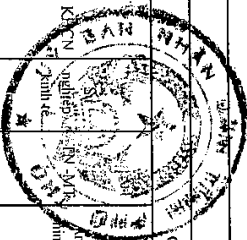


Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách trên lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK lương nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL					
Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức																
Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022											20					
Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản											182					
Liên minh HTX											32					
Chi định mức											20					
Hỗ trợ chi nghiệp vụ																
Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể																
Kinh phí hoạt động ban đối mối và phát triển kinh tế tập thể																
Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển hợp tác xã																
Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định 2277/2008/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của UBND tỉnh về chỉnh sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác trên địa bàn tỉnh																
Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn + Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rộng...											50					
Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng, hỗ trợ học phí học viên HTX học cao đẳng, đại học																
Chi hỗ trợ triển khai 4 Đề án của Liên minh HTX: Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 36/KL-TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể											50					
Kinh phí mua sắm + sửa chữa tài sản											30					
Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ kinh tế tập thể											12					
Chi định mức + nghiệp vụ											12					
Hội chữ thập đỏ											97					
Chi định mức biến chế											27					
Chi định mức biến chế Ban chỉ đạo liên minh nhân đạo																
Chi nghiệp vụ											20					
Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh																
Chi trả nhuận bút, xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền hoạt động nhân đạo ...											30					
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản																
Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo											20					
Ban đại diện Hội người cao tuổi											30					
Chi định mức biến chế											0					
Chi trả thù lao tư vấn ban, phó ban																
Chi hoạt động của Ban đại diện																

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cần đối ngân sách																		
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		DBXH		KHON	SUS	QUY	SHT	Au	Quốc	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách sách khác theo quy định				Nguồn thực hiện cải cách			
															hiện các chế độ, chính sách khác	10% TK lần nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản, thiết bị											10						
-	Chi nghiệp vụ											20						
108	Trưng tập hội nghị tỉnh											68	150	11.000				
-	Chi định mức											18	150	11.000				
-	Chi mua sắm trang thiết bị											50						
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh											256						
-	Chi định mức											43						
-	Chi hoạt động tư vấn, phân biên và giám định xã hội các nhiệm vụ tình giao.											50						
-	Chi hỗ trợ hoạt động và khen thưởng cho 19 hội thành viên (Hỗ trợ hoạt động 25 triệu đồng/1 hội, khen thưởng các hội 55 triệu đồng).																	
-	Chi hoạt động tập hợp đối ngũ trí thức có trình độ cao quê Phú Thọ xây dựng các chương trình đồng góp cho tỉnh																	
-	Chi duy trì, phát triển trang Website "TinhucDaTra.vn" của Liên hiệp hội																	
-	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ + Nghiệp vụ.											15						
-	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và người dân.											28						
-	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật)											90						
-	Chi tổ chức Đại hội Hội liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh lần thứ III, giai đoạn 2017-2022.																	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản.											30						
110	Hội Cựu thành viên xung phòng tỉnh Phú Thọ																	
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ																	
112	Hội người mù																	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.																	
113	Hội luật gia																	
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin																	
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn																	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.																	
116	Sở Giáo dục và đào tạo											2.985						
-	Chi định mức											48						
-	Chi bồi dưỡng công chức thành tra và trang phục thành tra.																	
-	Chi nghiệp vụ.											33						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản											50						

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017														
STT	Tên đơn vị	Chi cần đối ngân sách												
		DBXH		Chi thường xuyên theo lĩnh vực					Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
				Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách						
	Chi định mức						58	97	1.498					
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học						100							
	Trường THPT Minh Hoà						180	20	380					
	Chi định mức						30	20	380					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						150							
	Trường THPT Lương Sơn						148	37	340					
	Chi định mức						48	37	340					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						100							
	Trường THPT Cẩm Khê						125	161	2.130					
	Chi định mức						75	161	2.130					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						50							
	Trường THPT Hiền Đa						104	164	1.457					
	Chi định mức						54	164	1.457					
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà công vụ						50							
	Trường THPT Phương Xã						106	220	1.625					
	Chi định mức						66	220	1.625					
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường						40							
	Trường THPT Hà Hoà						120	195	1.073					
	Chi định mức						50	195	1.073					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						70							
	Trường THPT Xuân Áng						90	85	823					
	Chi định mức						50	85	823					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						40							
	Trường THPT Vĩnh Chân						90	82	671					
	Chi định mức						50	82	671					
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường						40							
	Trường THPT Thanh Ba						145	128	1.119					
	Chi định mức						75	128	1.119					
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học hai tầng 10 phòng học						70							
	Trường THPT Yên Khê						92	57	176					
	Chi định mức						42	57	176					
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, nhà xe						50							
	Trường THPT Đoàn Hùng						102	191	1.047					
	Chi định mức						62	191	1.047					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						40							
	Trường THPT Chân Mộng						103	81	999					
	Chi định mức						53	81	999					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						50							
	Trường THPT Quê Lâm						85	69	958					
	Chi định mức						45	69	958					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản						40							
	Trường THPT Thanh Thủy						94	259	2.381					

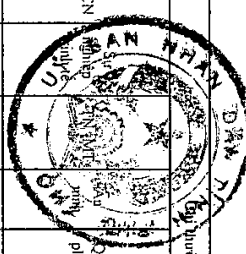
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
	ĐBXH	KHCV	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK làm ngân CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Chi định mức										64	259	2.381					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
Trường THPT Trung Nghĩa										77	88	750					
Chi định mức										47	88	750					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
Trường THPT Phú Ninh										90	118	1.045					
Chi định mức										60	118	1.045					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
Trường THPT Từ Đà										83	184	1.362					
Chi định mức										43	184	1.362					
Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa cổng, hàng rào của trường										40							
Trường THPT Trưng Giáp										94	77	698					
Chi định mức										44	77	698					
Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu 8A										50							
Trường THPT Long Châu Sa										123	285	1.894					
Chi định mức										73	285	1.894					
Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng										50							
Trường THPT Phong Châu										112	212	1.240					
Chi định mức										72	212	1.240					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										40							
Trường THPT Mỹ Văn										80	73	1.484					
Chi định mức										50	73	1.484					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
Trường THPT Tam Nông										109	107	1.566					
Chi định mức										59	107	1.566					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										50							
Trường THPT Hùng hoả										82	135	1.342					
Chi định mức										42	135	1.342					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										40							
Trường THPT Hùng Vương										138	634	3.097					
Chi định mức										58	634	3.097					
Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường										100							
Trường THPT Việt Trì										108	690	3.003					
Chi định mức										58	690	3.003					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										50							
Trường THPT CN Việt Trì										70	483	1.207					
Chi định mức										40	483	1.207					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
Trường THPT KT Việt Trì										67	429	1.976					
Chi định mức										37	429	1.976					

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
Chi cân đối ngân sách														
STT	Tên đơn vị	DBXH	Chi thường xuyên theo lĩnh vực						Chi bổ sung			Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị		
			An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mặt đầu ngân sách trung ương
								tiền lương	10% TK CCTL					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	30	245	767	3.434	-	-	-
-	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	145	767	3.434	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A	-	-	-	-	-	-	153	-	-	-	-	-	-
-	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	-	-	-	-	-	-	83	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	136	-	-	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội Trú Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	119	-	-	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	-	-	-	-	-	-	49	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	109	-	-	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú Đoàn Hùng	-	-	-	-	-	-	39	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	113	-	-	-	-	-	-
-	Trường Dân tộc Nội trú THCS Tân Sơn	-	-	-	-	-	-	43	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	103	-	-	-	-	-	-
-	Trường dân KT-TH-HN tỉnh	-	-	-	-	-	-	53	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	-	-	-	-	-	-	169	-	-	730	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	53	-	-	730	-	-	-
-	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng	-	-	-	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Trường dân Ngoại ngữ Tin học	-	-	-	-	-	-	118	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng	-	-	-	-	-	-	58	-	-	-	-	-	-
-	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	204	-	-	280	-	-	-
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	124	-	-	280	-	-	-
-	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi tư vấn tuyển sinh, 100 triệu, xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập, 100 triệu	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
118	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	100	-	-	1.070	-	-	-
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	60	-	-	1.270	-	-	-
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-

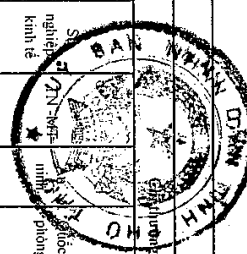
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017												
Tên đơn vị	Chi cấp đối ngân sách											
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
	ĐBXH	KHCN	Sr nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Chi bổ sung quỹ để trả lãi chính
										10% TK năm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Các khoản thu
9	Mua sắm, sửa chữa tài sản									30		
	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh									517		
	Chi theo định mức									437		
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh									30		
10	Mua sắm, sửa chữa tài sản									50		
	Tường chính trị tỉnh									249		4.800
	Chi theo định mức									149		4.800
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy											
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu, ký niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu									100		
11	Tường Đại học Hùng vương									2.502	4.000	40.326
	Chi theo định mức + phần bổ học sinh									1.259	4.000	40.326
	Đào tạo 80 sinh viên Lào											
	Chi học bổng cho học sinh sr phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)											
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TT LT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH											
	Chi đào tạo theo học tin chi và kiểm định chất lượng											
	Phần bổ thêm theo khu vực									963		
	Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên									200		
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên											
	Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao											
	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020											
	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển hóa học											
2	Chi cứu trợ sửa chữa nhà Trường tâm hành chính thiếu bộ									100		
	Trường Cao đẳng Y tế									480	2.900	15.638
	Chi định mức + phần bổ học sinh									380	2.900	15.638
	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học									100		
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên											
3	Tường Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ									125	60	400
	Chi định mức + phần bổ học sinh									55	60	400
	Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghề thuật truyền thống (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)											
	Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và hội báo đường cấp huyện, biểu diễn Hát Xoan...									20		

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
Chi cần đối ngân sách													
STT	Tên đơn vị	ĐBXX	KHCHN		Chi thường xuyên theo lĩnh vực					Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách trung ương	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
					Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách					
								tiền lương	10% TK CCTL				
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm thiết bị	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ	-	-	-	-	-	683	480	1.200	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	473	480	1.200	-	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	160	-	850	-	-	-	-
125	Trường Trung cấp nghề Công nghệ và văn tại Phú Thọ	-	-	-	-	-	157	80	850	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	107	80	850	-	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	-	-	-	-	-	160	40	1.500	-	-	-	-
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	-	-	-	-	-	30	-	1.500	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ tổ chức sản giáo dịch việc làm	-	-	-	-	-	77	-	-	-	-	-	-
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm	-	-	-	-	-	57	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
-	Chi tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên	-	-	-	-	-	114	-	-	-	-	-	-
128	Trường cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	-	-	-	-	-	44	-	-	-	-	-	-
-	Theo định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề	-	-	-	-	-	123	-	-	-	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề, 200 triệu, mua sắm, sửa chữa tài sản, 500 triệu	-	-	-	-	-	73	-	-	-	-	-	-
129	Trường năng khiếu Thể dục thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức + phần bổ học sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tiền ăn + tiền công + dụng cụ tập luyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-
130	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú Thọ	-	-	-	-	-	28	-	-	-	-	-	-
131	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân	-	-	-	-	-	34	-	-	-	-	-	-
132	Trung tâm giới thiệu Việc làm phụ nữ	-	-	-	-	-	37	-	-	-	-	-	-
133	Trường trung cấp nghề HERMANNMEINER	-	-	-	-	-	36	-	-	-	-	-	-
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh	-	-	-	-	-	53	-	-	-	-	-	-
135	Hội khuyến học	-	-	-	-	-	-	-	506	1.725	-	-	-
136	Sở Y tế	-	-	-	-	-	88	-	506	1.725	-	-	-
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

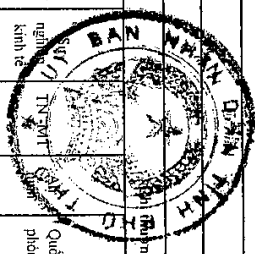
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017																
Chi ngân sách																
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHCHN	Sở/Ban/Phòng nghiệp vụ chuyên môn	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện chi cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
								tiền lương	10% TK CCTL							3,5-40% số thu để làm CCTL
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	
147	Hội đồng y	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	-	-	-	-	-	-	73	-	1.240	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	23	-	1.240	-	-	-	-	-	
149	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	-	-	-	-	-	-	50	-	500	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	22	-	500	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	
150	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	-	-	-	-	-	-	22	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	22	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyển ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
151	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.907	47.220	-	-	-	-	
152	Bệnh viện đa khoa Thanh ba	-	-	-	-	-	-	100	-	2.804	43.555	-	-	-	-	
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	2.804	43.555	-	-	-	-	
153	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	
154	Bệnh viện đa khoa Hòa huân	-	-	-	-	-	-	48	-	3.305	43.849	-	-	-	-	
155	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê	-	-	-	-	-	-	98	-	2.842	47.105	-	-	-	-	
156	Bệnh viện đa khoa Thanh sơn	-	-	-	-	-	-	120	-	3.833	47.605	-	-	-	-	
-	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	180	-	4.003	48.105	-	-	-	-	
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	-	-	-	-	-	-	80	-	4.003	48.105	-	-	-	-	
157	Trung tâm Y tế Việt trị	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất)	-	-	-	-	-	-	70	-	300	1.027	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn, phường	-	-	-	-	-	-	-	-	286	989	-	-	-	-	
158	Trung tâm Y tế Phú thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	14	39	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	-	-	-	-	-	-	30	-	138	1.226	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn, phường	-	-	-	-	-	-	30	-	7	500	-	-	-	-	
159	Trung tâm Y tế Thanh ba	-	-	-	-	-	-	-	-	131	726	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	-	-	-	-	-	-	36	-	245	3.940	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn	-	-	-	-	-	-	36	-	181	538	-	-	-	-	
160	Trung tâm Y tế Hòa huân	-	-	-	-	-	-	-	-	64	3.402	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	-	-	-	-	-	-	45	-	134	1.789	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn	-	-	-	-	-	-	45	-	68	196	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	65	1.593	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn	-	-	-	-	-	-	-	-	173	1.521	-	-	-	-	
161	Trung tâm Y tế Đoan hương	-	-	-	-	-	-	65	-	20	50	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	-	-	-	-	-	-	65	-	153	1.471	-	-	-	-	
-	Y tế xã, thị trấn	-	-	-	-	-	-	-	-	77	1.184	23.617	-	-	-	
162	Trung tâm Y tế Tam nông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

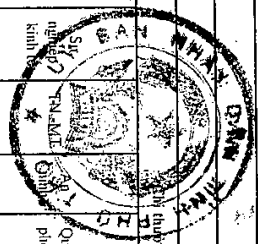
Chi cần đối ngân sách

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi ngân sách																
Chi ngân sách theo lĩnh vực																
STT	Tên đơn vị	ĐBKH	KHCHN	ngân kinh tế	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chi độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách tương ứng	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
									tiền lương	10% TK làm nguồn CCTL						
	Chi định mức								2		1.750					
	Mua sắm tài sản, thiết bị								30							
	Chi kiến tra, bảo trì giàn mìn địa, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát nước								25							
	Chi tiền điện, bảo vệ 3 công trình								20							
	Chi nghiệp vụ								339		6.000					
	Đài truyền hình								119		6.000					
	Chi định mức															
	Chi tiền nhuận bút															
	Chi năng cao chất lượng chương trình phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD								175							
	Chi tiền điện, tiền nước, nhiên liệu, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh								145							
	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh F-D)															
	Chi mở chuyên mục "Giảm độc sở với cơ sở vật chất theo chuẩn HD)								100							
	Chi đầu tư cơ sở vật chất (Đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD)															
	CHỈ SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC															
	I								32.217							
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch								7.217							
	2								2.000							
	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh															
	3															
	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác								23.000							
	Cải tạo, nâng cấp hồ công viên Văn Lang trong quần thể Khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì								7.000							
	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú, đoạn từ nút A7 đến nút giao với đường Hàn Thuyên, thành phố Việt Trì								13.000							
	Cải tạo hồ sinh thái tại khu vực hồ Đồng Thông thuộc phường Thanh Miện thành phố Việt Trì								3.000							
	CHI AN NINH								###							
	CHI QUỐC PHÒNG								20.145							
	CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC								21.480							
	CHI KHÁC NGÂN SÁCH								10.000							
	VII								8.000							
	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO QUY ĐỊNH								1.023							
	I															
	Kinh phí thu đưa kien thường															



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
Chi cân đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	DBXH	KHCHN	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các chế độ, chính sách khác		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bớt thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
							10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số tiền để làm nguồn CCTL								
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, ban đồ địa giới hành chính, Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, ban đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ															
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.															
21	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).															
22	Kinh phí hỗ trợ chỉnh lý giữa gia đình in và gia đình bảo hộ															
23	Chi đảm bảo hoạt động kinh doanh nhà															
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTU															
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX															
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp															
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật															
28	Kinh phí tổ chức đào tạo vận động viên.															
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg; KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 20/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập QĐ 2016-2020.															
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia, mức độ kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường, 18 trường THCS x 400 triệu/trường, 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.															
31	Kinh phí Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.															
32	Kinh phí bảo đảm phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn và các chế độ, chính sách khác theo quy định.															
33	Kinh phí thực hiện triển án của Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.															
34	Kinh phí thực hiện Thông tư 42/TTLT chỉnh sách giáo dục với người khuyết tật.															
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT, Thông tư 35/TTLT chỉnh sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.															



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Tên đơn vị	Chi hướng tuyến theo lĩnh vực										
	Chi cần đối ngân sách										
	ĐBXH	KHCN	Sở nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN- nghiệp vụ AN- QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách thức lương	
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL
5											
7											
8											
9											
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											
26											
27											
28											
29											
30											
31											
32											
33											
34											
35											
36											
37											
38											
39											
40											
41											
42											
43											
44											
45											
46											
47											
48											
49											
50											
51											
52											
53											
54											
55											
56											
57											
58											
59											
60											
61											
62											
63											
64											
65											
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											
76											
77											
78											
79											
80											
81											
82											
83											
84											
85											
86											
87											
88											
89											
90											
91											
92											
93											
94											
95											
96											
97											
98											
99											
100											

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
Chi căn đối ngân sách														
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
		DBXH	KHCHN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	KHCN	
57	Kinh phí thực hiện Đề án báo tôn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hải Xuân Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.													
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương.													
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017													
60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể													
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.													
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.													
63	Chi phí xây dựng đề án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017, xây dựng mô hình điểm Du lịch cộng đồng Xuân Sơn.													
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.													
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.													
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.													
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.													
68	Hỗ trợ đội bóng chuyên (Công an tỉnh)													
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập văn động viên và huấn luyện viên													
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình Khu liên hiệp thể thao tỉnh													
71	Hỗ trợ thể dục thể thao các ngành đoàn thể													
72	Chi hương giải bóng chuyền Cúp Hùng vương.													
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh													
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực													
75	Đàn hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.													
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017													
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).													



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
T	Tên đơn vị	Chi cần đối ngân sách														
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		ĐBXH	KHCH	Số nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DOTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quỹ định	Nguồn thực hiện chi cách thức khác		Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL				
	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh			59.338												
	Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.			39.813												
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí.			90.141												
	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi			9.000												
	Cải tạo, nâng cấp hồ Chồ xã Đông Lạc, huyện Yên Lập			5.000												
	Cải tạo nâng cấp dự án đập Đả Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lung, Tạ Xã Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê			4.000												
	Kinh phí chi trả và tăng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cơ*400) và 100 tuổi (300 cơ*850)	1.055														
	Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV	864														
	Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3.740														
	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100														
	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100														
	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100														
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đối mặt công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2.200														
	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.		3.000													
	Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng)				200							20				
	Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.				250											
	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng				2.000											
	Duy tu sửa chữa thường xuyên đường tỉnh, mức chi 40 triệu đồng/km.			29.418									588			
	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn			4.000												
	Khắc phục giao thông sau bão lũ, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường tỉnh.			7.500												
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 trên ĐT.316I, ĐT.316H, ĐT.321, ĐT.321C và ĐT.323			54												
	Khắc phục hậu quả lụt, bão đảm bảo giao thông bước 2 trên các tuyến ĐT.313B, ĐT.316B, ĐT.321C			3.559												

Page 103

